

Về thăm Trường Xưa

Năm 200X ..., tôi một cựu sinh viên Trường Quốc Gia Kỹ Sư Công Nghệ, được dịp về thăm lại trường cũ, tuy trong lòng rất náo nức muốn nhìn những đổi thay nhưng tôi cũng muốn đi từng bước thật chậm như để giữ lại số lượng thời gian hạn chế đã dự trù cho lần thăm viếng này cũng như để nén những xúc cảm với bao kỷ niệm trong kỷ ức lúc còn học đang được dịp dâng trào.

Đi từ ngoài vào cửa Cơ Xưởng, bên trong hoàn toàn vắng lặng, không có sinh viên thực tập, dù hôm đó là ngày thường trong tuần, tôi đi tiếp vào trong Phân Xưởng Nguội, Dụng Cụ và Tiện, các máy móc tại Phân Xưởng này phần lớn đều mang màu đen vì nhiều năm liên tục sử dụng, chưa có thì gian sơn lại màu xám nguyên thủy, tôi đã đứng chiêm ngưỡng thật lâu trước máy tiện TITAN với vóc dáng đồ sộ theo đúng tên gọi, mà một thời có nhiều sinh viên cảm thấy lo ngại khi được chỉ định sử dụng máy này để tiện thủ công, riêng tôi thì không sợ máy tiện này vì lúc còn học ở Trường Kỹ Thuật Cao Thắng, tôi đã từng sử dụng một máy tiện tương tự của Đức, từ hình dạng, tốc độ và nhất là khả năng của máy này rất thích hợp cho kỹ nghệ sản xuất. Khi thi vào trường Kỹ Sư Công Nghệ, lúc bắt thăm chọn máy, tôi đã trúng tủ máy tiện này để thi thủ công, tôi còn nhớ rõ, với hai lần xoay của bàn tiện, lưỡi dao tiện đã cắt gọn gần xong phần thô của món thủ công đến nỗi máy tiện bốc khói vì không đủ nước làm nguội, khiến Ô. Peret và Thầy Du (sau này mới biết tên) phải chạy lại và bảo tôi giữ tốc độ và cho lưỡi dao tiện ăn ít lại, chính Ô. Peret đã đưa cho tôi một cục đá mài nhỏ để mài lại lưỡi dao tiện, nhờ đó mà món thủ công thêm phần trơn láng, chính xác và hoàn tất sớm. Cũng chính nhờ lần sử dụng máy tiện một cách táo bạo có tính toán này, mà về sau Ô. Peret đã chú ý và có cảm tình với tôi nhiều hơn và còn nhiều lý do riêng nữa không tiện trình bày ở đây.

Rời Phân Xưởng này, tôi đi tiếp theo dãy hành lang cũ mà năm nào Sinh Viên Trường cũng tổ chức Dạ Tiệc Tất Niên, tôi đã đứng tại Phân Xưởng Mộc và Đức ngắm nghía toàn thể máy móc đã trang bị như muốn thu hết vào đôi mắt mình như hình ảnh những người thân thương đã nhiều năm không một lần gặp lại, bất chợt nhìn lên mái nhà tại xưởng Đức, tôi thấy cả một bầu trời trong xanh, hóa ra mái tôn màu đỏ cũ một thời nay đã mục nát hay đã phiêu bạt nơi nào, không ai ngó ngàng hay cần sửa chữa, riêng hai Cubilots chắc đã lâu chưa được sử dụng, chắc tại bị nhiều lý do, bất chợt như có vật gì lẫn trong đôi mắt, tôi vội lấy khăn tay lau mắt, thấy khăn tay hơi ướt thì ra không phải bụi mà mắt tôi đã ứa lệ từ bao giờ.

Dòng sinh tử của kiếp người là vô thường tùy không gian và thì gian sẽ xảy đến chậm hay mau. Nói chung vạn vật, kể cả vô tình chúng sinh đều vô thường cộng thêm quốc độ vô thường là chất xúc tác acide đưa đến sự hủy hoại khủng khiếp cho các vật thể cấu tạo và các công trình xây dựng nếu không có kế hoạch bảo trì thích nghi và bàn tay con người kỹ thuật chăm lo. Thực tế rất phũ phàng đã chứng minh điều đã suy nghĩ, nhưng tôi không ngờ sự việc xảy ra quá nhanh như vậy.

Đến đây, bao nhiêu háo hức, dự kiến ban đầu điều tan biến, tôi không còn muốn thăm các Phân Xưởng khác nữa và đành ra về trong tâm trạng buồn hơn vui và thăm suy nghĩ:

- Cơ Xưởng này là một tài sản Quốc Gia được Chánh Phủ Pháp viện trợ để làm phương tiện giáo dục và đào tạo cho nhiều thế hệ. Ai sẽ người chịu trách nhiệm về sự hư hại và lãng phí này?

Cựu sinh viên KSCN

Đại Hội I Kỹ Sư Công Nghệ

(Thái-Vinh mền tặng chị Đỗ Thị Hồng)

Trước Đại Hội mấy ngày, Bát Đại Nhân chia làm hai ngả băng qua Phan Thành. Một ngả do Trần chương môn đến từ Ba Lẻ; còn ngả kia, do Việt-Trung Quách Tinh Đại Hiệp hướng dẫn đến từ thành Phớt Quớt quây bầu không khí Phan Thành gần ngày đi tham dự Đại Hội càng thêm nóng nực; rồi đột ngột trước ngày đi, tất cả biến mất. Phan Thành Tứ Hữu cũng chia tay tan tác như chim lạc đàn.

Lão Đại tức Nghè Tân đất Liên Hoa bay trước. Thăng Tổ Ni ho hen thờ không ra hơi cầm chân vợ chồng Lão Tứ Lê Thanh trên Phá Sơn. Song Yến Đại Hiệp vương cuộc hẹn ngoài Đông hải Ba Ha Mát chưa về kịp. Phu nhân Thiết Thạch Đại Phu buồn bã nói lại tông đàn hoành tráng hôm nào chỉ còn lại lão phu quân đang ngồi chờ hôm mần mê rờ máy quay phim, bực mình muốn gây lộn một trận; bất ngờ Quách Đại Tỷ từ kinh đô ghé lại, Đại phu mừng quá hốt cả hai lên xe, chạy suốt đêm quên mất lão Nhậm...

Gặp lại trong đêm Tiễn Đại Hội ở Hùng Hạnh Trang, từ xa ngó thấy mặt phu nhân Thiết Thạch Đại Phu ngồi buồn buồn, lão Nhậm né không dám gặp. Ngày hôm sau lão cầm đầu một phái đoàn đi thăm cây cầu treo lưng danh ở Cự Kim Sơn thấy Thiết Thạch Đại Phu mang máy quay phim đi theo, nhưng không thấy bóng dáng phu nhân, lão cũng không dám hỏi. Đêm Đại Hội ở Ocean Delight (San Jose) tung bùng náo nhiệt. Bang chúng kéo về tập nập không khác gì Đại Lễ Nhập Môn của Bản Bang hồi 32 năm về trước. Vẫn chưa thấy Thiết-Thạch phu nhân, lão Nhậm đưa Mộng Cô vào quán, chụp ngay cái bàn

kin đáo bên mé trái vừa làm chỗ ngồi cho các bạn đồng khóa CN17, vừa làm chỗ quan sát quang cảnh sinh hoạt Đại Hội.

Liếc qua danh sách gần 60 cựu môn sinh 19 khóa Kỹ Sư Công Nghệ tham dự Đại Hội lần đầu tiên ở Hải Ngoại đêm nay, khoá nào cũng có ít nhất một người đại diện, ngoại trừ hai khóa CN12 và CN14, làm lão cứ chắc lưỡi hít hà than tiếc mãi! Lão cũng buồn, khi nhớ lại nửa năm trước



qua chương trình "Cai Đàm", lão có tâm sự mấy lần rất tương đắc với Đại Hiệp Mai Xuân Thành CN10 ở tận miền viễn tây nước Úc, tác giả bức họa hình bìa Đặc San Kỷ Niệm 50 Năm Thành Lập Trường Quốc Gia Kỹ Sư Công Nghệ tuyệt đẹp mới xuất bản. Không ngờ gần đến ngày lên đường hội ngộ, Đại Hiệp sơ ý luyện nội công trật đường rây bị tẩu hỏa nhập ma, phải bẻ quan luyện lại từ đầu!

Ngó lên sân khấu, rồi lại dòm xuống cuối phòng hội, thấy bàn tay nghệ sĩ CN khóa nào bài trí hai bảng vàng kẻ hai hàng chữ xanh sắc sảo

"Đại Hội Kỹ Sư Công Nghệ, Kỷ Niệm 50 Thành Lập Trường QGKSCN" với cờ vàng ba sọc đỏ, lão thực xúc động. Ngó quanh, thấy ban nhạc do Sơn-Văn điều khiển đối với lão là bạn cũ. Lão lượn một vòng ra mắt các đại huynh tỷ CN1 ngồi cười nói ồn ào nhất ở các bàn đầu, rồi từ từ đi xuống mừng các bạn trẻ CN18 và CN19 e thẹn ngồi kín đáo ở bàn cuối phòng hội. Lão không ngờ gặp mặt Thiết-Thạch phu nhân và Đào Mai cô nương ngồi ở đây.

Trước hôm đi, em gái của lão dặn dò: "Chúc đại ca lên đường họp mặt bạn bè vui vẻ. Khi họp mặt xong, nhớ kể chuyện cho muội nghe với. Nếu gặp ai trong lớp CN16, hỏi thăm anh Minh-Châu đề xin địa chỉ em gái của anh ấy là Ánh-Nguyệt học Nữ Công Gia Chánh giùm tiểu muội nhen." làm lão gặp ai, cũng ngó chằm chằm vô ngực, tìm bóng tên. Đang lơ quố, bỗng bắt gặp Lê Quang-Đức CN16 đang đứng cười tá lả với bạn hiền Lê Tự-Đoàn, lão trách:

- Mấy lần xuống "Cali" gọi thăm, nhưng đại ca cho toàn số ma!

- Tại bà xã...

- Thôi đừng tìm cách đồ hồ! Mà đại ca có biết Minh-Châu là ai không hề?

- CN16 có Anh-Châu kia kia!

Thấy khuôn mặt rất trẻ, quen quen đứng giữa một rừng phụ nữ đẹp, lão ngập ngừng:

- Có Ánh-Nguyệt ở đây không đại ca?

Người ấy lập tức tỏ vẻ khó chịu:

- Tìm em gái tôi có việc chi?

Lão mừng rỡ:

- Tạ ơn Trời Phật. Vậy là đúng người rồi! Ánh-Nguyệt là bạn học cùng lớp Nữ Công Gia Chánh với em gái nuôi của tại hạ...

Chưa nói hết câu, bỗng dưng Minh-Ngọc ở đầu chạy lại bắt chụp hình. Lão chụp ngay cơ hội lấy le:

- Đây là con nuôi của tại hạ...

Anh-Châu vui vẻ khen một câu làm lão rất đắc ý:

- Em gái nuôi và con gái nuôi của anh đẹp lắm!

Mặc cho MC Ngô Lương-Phú CN8 cầm máy kêu gào, bang chúng gấp mặt đua nhau nổ điếc tai. Bàn CN17 của lão Nhậm, ngoài ba hảo bằng hữu: Nguyễn Kim-Quy, Lê Tự-Đoàn, và Bùi Anh-Dũng là dân Cali, đêm nay còn có đồng môn Đinh Văn-Quy từ Việt-Nam tự túc mua vé sang tham dự. Thấy còn thừa ba ghế, lão Nhậm tính mời Thiết-Thạch phu nhân lên đánh bạn với Mỹ-Liên, thi sư phụ Nguyễn Hàn-Tý và phu nhân, rồi Nguyễn Trung-Trực CN16 đột xuất từ Việt-Nam nhập cuộc vui đêm nay. Sư phụ Nguyễn Hàn-Tý vẫn nghiêm nghị dễ sợ như ngày nào, trái ngược với sư phụ Nguyễn Hoàng-Sang ngồi bên cạnh rất vui tính quay qua quay lại hỏi thăm từng môn đệ cũ. Sư phụ chương môn Trần Kiêm-Cảnh ở bàn trên, chừng như khoái nhóm môn đệ CN17 nghịch ngợm, nên cũng ghé lại tâm sự và chụp nhiều bộ hình kỷ niệm, mà đám bạn đồng khóa không được cơ hội tham dự đêm Đại Hội xem hình, kinh ngạc: "Học trò trông già hơn thầy nhiều!"

Sau phần nổ tự do làm chương trình trẻ trang cả tiếng, MC tuyên bố chương trình và làm lễ chào Quốc Kỳ Hoa-Kỳ và Việt-Nam Cộng-Hòa; rồi Lão Đại Nguyễn Văn-Tân CN1 chào mừng Đại Hội và tóm tắt sơ lược lịch sử Trường Quốc Gia Kỹ Sư Công Nghệ.

Thiết-Thạch Đại Phu Nguyễn Đắc-Ứng CN13 trình bày lịch sử ngôi trường tinh thần tức Website *Kysucongnghe.net*; rồi sư phụ kiêm chương môn Trần Kiêm-Cảnh phát biểu cảm tưởng. Thầy ngập ngừng nghẹn ngào nhiều chỗ, xúc động chớp chớp đôi mắt, tưởng chừng đôi dòng lệ sắp tuôn trào; nhưng thầy vận nội công giữ không cho rớt một giọt, thiệt tài!

Đại sư huynh Nguyễn Văn-Quang CN1 đại diện ban tổ chức Đại Hội tuyên dương sự góp sức đắc lực của các đại ca Ngô Lương-Phú, Phó Quốc-Uy và Lê Hoàng-Giáo CN8, Nguyễn Giup-Hùng CN9, Đỗ Huỳnh-Hồ CN11, và đặc biệt đại ca Nguyễn Sáu CN6 vừa lo Đại Hội vừa lo in Đặc San Kỷ Niệm 50 Năm Thành Lập Trường QGKSCN; nhưng phần thưởng là một tấm bằng khen rất đẹp lại được trao tặng cho Quản Gia Website Nguyễn

Đắc-Ứng. Thiết-Thạch Đại Phu rất xứng đáng lãnh bằng khen, vì không có Website *kysucongnghe.net* ra đời, thì làm gì có ngày Đại Hội hôm nay?

Phần giới thiệu từng khóa trên sân khấu để chụp hình lưu niệm là phần đáng nhớ nhất. Lão Nhậm được MC gọi tên làm đại diện CN17, nhưng lão cầm máy nói to: "Xin nhường lời giới thiệu cho trưởng lớp Nguyễn Kim-Quy!" Đây là lần đầu tiên sau hơn ba mươi năm cái máy nổ chiến nhứt trường hồi ấy mới cho máy nổ sơ sơ trở lại, lão Nhậm nghe rất vừa lòng; nhưng Lê Tự-Đoàn cự nự nhỏ: "Rùa Vàng chỉ làm trưởng lớp B thôi! Thăng Ân Đệt mới làm trưởng lớp A của tụi mình!"

Chủ quán Yvonne là người Trung-Hoa rất vui vẻ đãi các món ăn đều ngon miệng rất hợp khẩu vị người Việt. Ban nhạc Sơn-Văn hợp tấu làm âm đàn, rồi Mộng-Lan hát liên tiếp 3 ca khúc: Tình Hoài Hương, Giấc Mơ Hồi Hương, và La Vie en Rose; sau đó phu nhân các đại ca Hoàng-Thanh CN9 và Lê Thành-Nam CN16 cũng trở tài biểu diễn ngâm thơ và ca hát được Đại Hội tán thưởng nhiệt liệt.



Kết thúc đêm Đại Hội, sư tỷ Quách Thị thu CN1 cất bánh khai mạc phần dạ vũ. Thiết-Thạch Đại Phu sắp xếp sư phụ Trần Kiêm-Cảnh và Lệ-Hồng sư nương mở đầu, rồi 15 giây sau xin mời Việt-Trung Quách-Tĩnh Đại Hiệp CN18 và phu nhân biểu diễn; nhưng Đại Phu lại quên mất Thiết-Thạch phu nhân! Mời mọc mãi Quách Tĩnh phu nhân vẫn e thẹn làm ai nấy đều ngửa ngáy chân tay không chờ coi biểu diễn, đã tự động kéo nhau ra múa chạt sàn...

Thái Vinh CN17

Bể trứng!

Một chàng trai hồi hã leo lên xe đầy người. Đưa mắt nhìn khắp nơi, cuối cùng thấy chỗ để bao tải, chàng vội vã đi đến, nhưng chưa kịp ngồi xuống thì người phụ nữ bên cạnh la:

- Coi chừng bể trứng!

Chàng trai ngạc nhiên:

- Bao này chứa trứng à?

Người phụ nữ cười bẽn lễn:

- Không, kẽm gai!

dhth kẻ

Bài giao hưởng số 5

Hai vợ chồng nọ đi nghe nhạc giao hưởng nhưng đến trễ. Sau khi ngồi xuống ông chồng hỏi người bên cạnh:

- Họ đang chơi bài gì thế?

- Bản Giao Hưởng Số 5 của Bethoven

Quay sang bà vợ, ông chồng căn nhắc:

- Đây bà thấy chưa? Gớm, chà phần với son làm mất mẹ bốn bài giao hưởng!

dhth kẻ

Giờ điểm danh

Phạm Văn Hiếu CN18

Các đại niên trường gợi ý viết về vị giám đốc Văn Đình Vinh trong Đặc San thứ hai trường Kỹ Sư Công Nghệ. Nghe hay thì thật là hay. Nhưng biết viết gì đây khi đàn em áp út không biết tí ti về ông.

Như lý lịch hai đời trích dọc đã khai ngang trong số Đặc san Công Nghệ đầu tiên:

Năm năm, khi các đại niên trường khoa đề danh bảng Cu tôi mới bỏ bú tí, tập ăn cháo sườn. Mới cấp tập vào trường ẽ a đánh vần i đi học, u đánh đu. Bỗng dưng ông già còn «trẻ» của cu tôi, mới ba mươi một bước qua - ba mươi hai bước lại, được «cách mạng» tặng nguyên một trái mìn chống xe... lừa vào lưng. Đang chớp mắt trên đầu máy, nào ngờ ông già ngon giấc ngàn thu, từ già vĩnh viễn vợ con không hay biết. Còn Cu tôi hay biết cũng như không. Nhỏ xiu có biết gì mà đơn đau khóc lóc. Chỉ có buồn không còn được ghiền nghe tiếng đờn kim từng tưng ru ngủ đêm hôm.

Thôi, không thể khởi đầu bằng cái gốc, đành sớt ngang ngọn vậy.

Lần này cố ý lạc đề chứ không ngu ngơ như thườ thi tuyên đệ thất «tà thanh niên ăn mặc lố lăng và có những cử chỉ khiếm nhã», thành ăn mặc rách rưới khiếm nhường ngồi ăn xin.

Mong các huynh thứ lỗi.

Nhớ ngày nào Công Nghệ 18 tò te vào trường. Sao ẽm re, không kèn không trống, không được làm Lễ Nhập Môn như những khóa trước. Bởi sau Mùa Hè Đỏ Lửa 1972, Viện trường họ Đặng lấy lý do Tổ quốc lâm nguy, không cho bày chuyện. Thêm nữa, năm đầu còn nằm bên Khoa Học Cơ Bản. Bị giải tích-quang-điện-hoá-cơ-...-... khóa dính chùm lòi tòi. Thế nên trường KSCN cách đó hơn 100 thước mà sao thấy hơi xa. Còn cái tình

gia đình Công Nghệ hình như nhàn nhạt. Hay nói đúng hơn là chưa có đầy đủ tiêu-hành/gia vị.

Cho đến mùa tranh giải giữa các trường mới thấy cái tình đậm đà này. Trận nào có Công Nghệ là có một dàn kèn đầy đủ từ các thầy đến trò. Hò hét cổ vũ vang cả sân banh. Có thầy hết đứng đến ngồi, rồi chạy theo chơi đẹp: đá vô một trái thường năm trăm!

Năm trăm thời đó đâu có ít. Tương đương với một châu nghèo ở Nguyễn Tri Phương cho nửa đội banh.

Phải công nhận Công Nghệ đá đẹp thật. Vô địch mà!

Nhưng khô, đẹp đến nỗi đàn em Cao Văn Dậu CN18 đang đầu quân cho Khoa Học Cơ Bản lãnh nguyên cú đá vào bụng của đàn anh. Bất tỉnh nhân sự đến mấy giây.

Chuyện là CN với tước danh đương kiêm vô địch cùng những tiền đạo và hậu vệ đá đẹp, thủ chắc như Lê Tự Đoàn, Trần Ngọc Ân, Đoàn Minh Bảy... thành ra nhìn đám lính mới hỗn tạp Khoa Học Cơ Bản bằng nửa con mắt. Hiệp nhứt, CN tuôn quân như mèo vờn chuột. Nhưng nào ngờ đội Khoa Học Cơ Bản có Hùng trong Hội tuyển Thiếu Niên Quốc Gia (sau 75 nghi học đá cho Tổng Cục Hóa Chất). Lại mới thi đấu từ Đài Loan về nhập học trẻ nên tiếng chưa vang vọng đến oai hùng. Nhỏ con đen kịt nhưng kinh nghiệm trận mạc đầy mình, Hùng trấn ải xua quân và chỉ trong một vài phút đầu, bằng cú đá xoáy vào góc thượng từ một phần tư sân, Hùng đã phá lưới đương kim vô địch Phú Thọ.

Nóng gà, các đàn anh đá bạo. Hậu quả, tiền đạo cao ráo đẹp trai Cao Văn Dậu, dù là dân miền Tây vai u thịt bắp vẫn chịu không nổi cú kim kê cước của đàn anh. Nằm đờ cán cuốc, mặt trắng bệch

không còn hột máu! Nói vậy, chứ sau đó biết Đậu là «gà nhà» nên các huynh cũng chạy đến chặn sóc tận tình ra phết! Tinh dậy, Đậu cười như mèo, than thở “các anh đá mạnh quá!”

Chứng kiến cái tình và tinh thần thể thao hết mức của các huynh và mấy thầy. Có lý nào đàn em ngồi yên trong giảng đường? Thôi đành dùng bài bản cũ. Tên thi viện có cáo bệnh, tên thi lạng lẽ rút êm. Địa điểm tập hợp chính vẫn là sân banh.

Xong giải giữa các trường, lại đến giữa các viện. Lần này thì hết vác trống đến sân vận động Cộng Hòa, rồi lại sang sân Phan Đình Phùng. Mặc tình hò hét, đập bôn đập bát.

Cuối mùa tranh tài. Thành tích thể thao rực rỡ, huy chương, cúp đem về quá quá nhiều. Nhưng... thành tích thi cử lại quá... quá khiêm nhường. Hai kết quả hình như tỉ lệ nghịch với nhau. Đa số sinh viên KHCĐ đều bị mắc nợ một hoặc hai tín chỉ. Đoạt giải quán quân, nếu không lầm, là chủ tịch đại diện sinh viên có biệt danh H. Già.

Sau này trong lần họp mặt ở Paris, anh Trần Hữu Chí, cựu Tổng thư ký Viện cho biết: vì kết quả thi cử tệ thảm nên Hội Đồng Giám Đốc các trường đã yêu cầu Tổng thư ký giám sát sinh hoạt thể thao. Tuy nhiên cuối năm vẫn còn nhiều chàng vướng nợ. Nhất là các môn quang, cơ, xác suất.

Quang học do thầy Hùng, tiến sĩ Pháp quốc mới về nước. Kính ông mang không biết cận hay viễn, nhưng ông dạy thấu kính dày/mỏng đủ loại. Không nhớ gì, chỉ nhớ công thức viết từ đầu bảng sang... cuối bảng vẫn chưa dứt. Kỳ thi đầu sinh viên rụng như sung, nghe nói dù đã vung tay vớt vát.

Công thức cơ học cũng dài không kém. Khi thi, Master Hoa Kỳ, Nguyễn Thượng Khang ra đề về Tĩnh Ổn Định (đứng tần?) giữa một quả cầu nhỏ đặt trên một quả cầu lớn. Đây là bài toán cổ điển, sinh viên nào có tham khảo sách Tây, Mỹ mới hòng trụ lại. Bằng không, rớt là cái chắc! Tiến sĩ Ấng Lê, Nguyễn Trọng Ba cũng đem sở học truyền hết từ đại số tuyến tính đến xác suất. Đề thi cho hàng “trả...ng” xác suất. Sinh viên cũng rớt theo từng lô không “tuyến tính”.

Riêng môn giải tích, Tiến sĩ Võ Thế Hào (hiện

ở Pháp) dạy sao nhẹ nhàng. Cầm sợi dây nịch xoắn nhẹ, xong bảo xem chứng minh trong sách mà hiểu. Đến chừng giờ sách ra, đọc đến nỗi con người. Chứng minh dài thòng tựa rau muống dưới ao, lần hoài không dứt. Riêng “bí kíp” giải bài tập, thầy cố tình để lờ. Sinh viên nào bộp chà bộp chộp như thuờ “Bác đi tìm đường cứu nước”, tiếng Tây ăn đong, lớt phớt vài trang rồi ứa lệ gào lên rằng đã “tìm ra chân lý!”. Cóp pi nguyên con là thác!

Sau cùng, kỹ nghệ họa, môn không cần học vẫn có điểm cao cho những chàng có tú tài kỹ thuật. Đây cũng chính là cái ải hải hùng nhất cho dân tú tài phổ thông. Không hải hùng sao được khi môn “vẽ vời”, không gian ba chiều, lắp ghép hàn, đúc, nguội, rèn đã thấm vào máu dân kỹ thuật từ đệ ngũ đến đệ nhất, nay buộc dân phổ thông một năm phải luyện cho thông. Đầu phải tên nào cũng là Quách Tinh. Ép lạng quạng tẩu hoả nhập ma như chơi.

Chuyện bây giờ mới kể:

Cũng môn này này khiến Cu tôi còn nhớ đến B, tên bạn Bắc kỳ di cư (năm thứ hai qua khoa “Điền nặng”, sau ra trường về Nhà Đèn Chợ Quán). Một buổi sáng tinh sương, hấn đến đập cửa, mồm mép nhỏ nhẹ (như dân 54) nhờ cứu nạn. Số là gần cả năm vẽ vời đủ kiểu, nhưng thầy Châu cứ cho không quá 5 trên 20. Biết là hấn có hoa tay, tuy nhiên hoa tay ăn nhậu gì tới kỹ thuật đâu.

- Mất giờ mà phải nộp ?
- 2 giờ, mầy gỡ cho tao kỳ này.
- Được đi ăn sáng đã rồi tính.
- Ok ! tao bao.

Lớt bụng một đĩa bánh cuốn, ly cà phê đá và phi phèo xong 2 điều Capstan, Cu tôi ra nghề. Nghe nói đến lúc chấm trả bài. Thấy có tần tới nhảy vọt tam tứ cấp. Thầy Châu kêu B diện kiến. Nhưng chàng quá rét, sợ lộ tẩy nên cáo bệnh lặn kỹ.

Có lẽ qua trường Khoa Học Cơ Bản khá vất vả, nên năm thứ hai về Công Nghệ các chàng hơi phê. Nhất là giờ thực tập xưởng, các chàng Công Nghệ A (tú tài kỹ thuật) càng phê hơn vì đã giữa,

đục, mài, bào từ bao năm. Nhớ môn nguội, thực tập đầu tiên là giữa khối sắt hình hộp, sáu mặt phẳng thẳng góc. Có chàng giữa cả buổi, thử lại, góc vuông thì có vuông nhưng phẳng thì không phẳng, cứ gồ lên như gồ má của “nàng”. Trông thấy nản!

Cu tôi phê thì phê nhưng không thể giữa cho bạn hiền Công Nghệ B (tủ tài phổ thông) vì thầy Mân đi rảo đều đều. Chỉ rí tai:

- Mày đem cục thép qua bên nhóm máy mài nhờ tụi nó.

Bạn hiền đi mãi đến giờ ra chơi sao không thấy bóng. Qua bên khu mài mới thấy chàng đang lui cui bỏ xuống sàn tìm kiếm vật gì. Hỏi ra mới biết. Vì cục thép gồ lên như đầu bum bê nên thay vì pass từng lớp mỏng như tính toán cho phép, chàng đục bạn pass dầy dầy thêm cho lẹ. Đúng là “đục tốc bất đạt”. Lực hút nam châm của bàn đặt không còn kham nổi. Cục thép bay đi như đạn bắn. May phước, không con nạt nào vướng đạn. Nhưng cục thép đã Bồng Chim Tắm Cá!

Sang cả, “tối tân” nhất phải nói là bên khu máy tiện. Không như bên nguội, đứng khom giữa, cưa, đục phồng cả tay, nhứt cả lưng mà chưa chắc ráp khít mộng mang cá. Bên tiện chỉ tính toán và điều chỉnh cho máy chạy là ăn chắc. Đôi lúc còn được nhón nhờ nhìn đông nhìn tây. Sang cả, “tối tân?” Coi vậy mà không phải vậy. Cũng đã từng có chuyện tưởng đến bỏ mạng.

Thầy Du đã dặn bao lần “tiện khe phải tiện phá trước nghe. Chọn dao nhỏ hơn khe và phải vô từ từ nghe. Sau đó tiện chính xác với dao đúng kích thước nghe!”.

Vậy mà vẫn có chàng hấp ta, hấp tấp. Pass đầu, bạo gan cài dao đúng bon kích thước, cứ đẩy vô ào ào. Hậu quả khôn lường. Dao thép trắng cũng chịu không thấu. Nứt gãy “thành khúc”. Máy khựng “đứng tim”. Rơ-le (relais) “nhà mạch”. Đã vậy, chưa thấy quan tài chưa đổ lệ. Tưởng là xong sau khi gỡ dao ra. Có biết đầu máy đang còn khựng. Đang mang giầy, chàng tương chân đóng lại relais. Nào ngờ như trời đánh. Cầu chì trên trần nổ xuống, lửa xẹt, khói bay mịt mù.

Nhấp nháy đã thấy các thầy chạy đến. Tổng

giám xưởng Huỳnh Phước Bàn có mặt, không một lời quở trách, chỉ lo an hoi rồi nhắc nhở “coi chừng, điện ba pha. 360 volt chết người!”

Nghe qua, mới thờ phào nhẹ nhõm lẫn cảm kích. Cái tinh Công Nghệ là đó. Bao dung và tận tụy dẫn dắt, truyền đạt những kinh nghiệm học hỏi cho đàn em.

Đa số Ban Giảng Huấn đều là những niên trưởng trong Gia Đình Công Nghệ. Niên trưởng Trần Kiêm Cảnh, bỏ công chạy tới lui ngoại giao xin được lò đúc tối tân nhất Đông Nam Á về trường.

Niên trưởng Đào Kim, từ Mỹ về lãnh nhiệm vụ thành lập Cao học Thanh Hóa (môi trường). Bạn túi bụi, nhưng cũng dành thời gian viết cours dạy Nhiệt Động Lực học (thermodynamic) cho đàn em. Niên trưởng Dương Thiệu Toàn giảng dạy môn tĩnh và động học (static and dynamic). Bắc kỳ hào khoáng, sinh viên “chia” thuốc, cứ nguyên gói mà đưa.

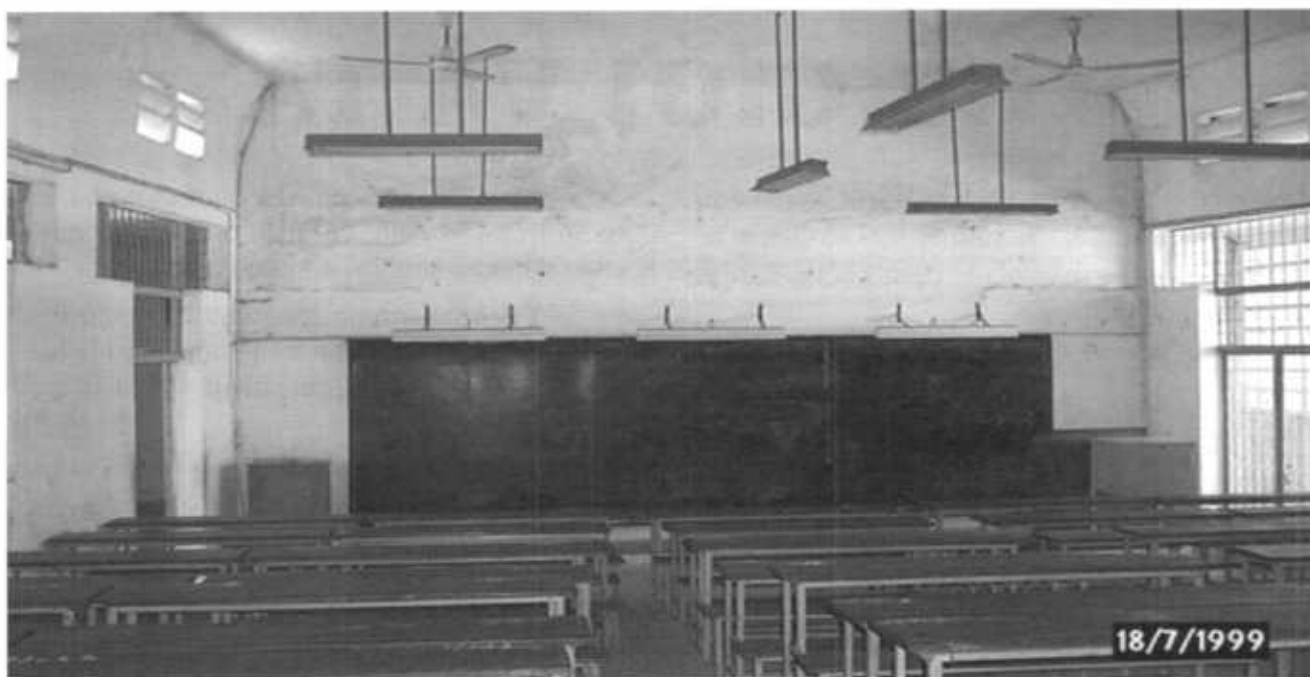
Niên trưởng Nguyễn Công Đàm theo sát hướng dẫn thực tập luyện kim và cùng chia sẻ những khổ nạn với đàn em cho đến ngày vượt biên tìm tự do trên xứ người.

... và còn những đàn anh không trực tiếp giảng dạy nhưng sẵn sàng dang tay đón nhận, chỉ dẫn những đàn em CN vừa mới ra trường hay đến thực tập.

Còn nữa những kỷ niệm xưa nơi quán nhỏ sau trường.

Cùng chụm nhau quanh bàn cờ tướng. Cao thủ tranh tài thường xuyên chỉ có hai. Thầy bản đứng ngoài cả chục. Không phân biệt thầy trò, đàn anh đàn em đổ vào cá độ cả phê. Nào dứt con pháo, nào thí con xe,... Nhộn nhất luôn là hai chàng có bộ râu mép đẹp Lý Tấn Kiên CN17 và Trần Quý Thanh CN18. Có lúc ồn ào như hội chợ rồi bỗng yên lặng như tờ trong thế kẹt cờ. Chợt đâu có quân sư Phan Thanh Chiêu (cháu bao đời của Đại thần Phan Thanh Giản) ghé ngang buông lời “thôi thua trước cho cao cờ!”. Đàn em bàn bậy, đàn anh thua. Nóng mặt rồi cũng chỉ cười trừ móc tiền trả độ.

Còn nhớ gì đây buổi trưa tháng tư nắng gắt



Hình này do Anh Đoàn Bình CN18 chụp năm 1999.

bên ngoài. Cái nắng cháy da, cháy cả nhựa đường. Nhưng trong giảng đường Công Nghệ mát rượi như câu thơ Nguyễn Sa:

“nắng Sài Gòn anh đi mà chợt mát”.

Mát rượi không: “bởi vì em mặc áo lụa Hà Đông” nhưng vì một đóa hoa. Cô giảng viên cours thông kê trẻ đẹp trẻ, nghe nói từ trường chính trị kinh doanh Đà Lạt về, đang thao thao viết giảng phương pháp ghi sổ, chuyên sổ lớn qua sổ nhỏ... Áo tiên vàng lượn qua lại như múa trên bảng khiến có chàng nào đó buông thơ: “áo nàng vàng anh về yêu hoa cúc”.

Giật mình, cô dừng tay, khẽ kẹp eo áo dài. Rồi làm như không biết, tiếp tục ghi “sổ đời”.

Lại có chàng đá nhẹ “Bỏ hay chồng của cô ta đang đợi ngoài kia. Đừng có mơ mộng để thơ nữa mày ạ!”

Tình mộng trở về với thực tại.

Thực tại chiến trận đang kéo về thành phố trong những ngày tháng tư. Sài Gòn đang hấp hối vây khốn bởi tầng T54, bởi những dàn sơn pháo 130 của những binh đoàn phương Bắc. Lệnh tổng động viên một lần nữa được ban hành. Rồi sẽ có những chàng CN đánh xếp bút nghiên theo việc đao cung. Bỏ lại sau lưng khung trời đại học, từ

giã giảng đường ghi dấu một thời sinh viên với đầy mơ ước.

“Tiên sư, mới đây đầu tháng 5/04 tới trường dự buổi họp phụ huynh của con gái mình, khu Công Nghệ cũ bị đập xây mới mất rồi”.

Bạn thân,

Cám ơn bạn đã giữ lại được hình ảnh trân quý này. Cho dù giảng đường đã bị đập xóa. Nhưng, nhìn giảng đường vắng lặng, không bóng sinh viên, các bạn cũng như tôi vẫn nghe, vẫn thấy. Nghe tiếng các thầy giảng vang xen lẫn tiếng quạt trần biếng nhác đuổi ruồi cho bạn ta ngủ gật. Nghe tiếng cười rộ của đám nhà lá cuối giảng đường sau lời cầu nhậu “tên nào dấu dếp tao?”.

Và vẫn thấy bác Huy vào điểm danh trước cặp bảng kéo bằng cáp ngày xưa.

- Thưa bác, tụi cháu đã tự điểm danh rồi. Cả lớp CN 18 chỉ thiếu Hồ Vũ Dũng, Dương Ngọc Huy, Lê Sinh Sơn.

Suyt! Đừng ồn mấy “thầy ba”. Để ba bạn ấy yên nghĩ nơi cõi vĩnh hằng.

Phạm Văn Hiếu CN18

THỂ GIỚI VÀ TA

Nếu có thể thu hẹp thể giới hiện tại chỉ còn đúng 100 người thôi, thì những con số thống kê sau đây sẽ cho ta thấy nhiều điều không mới lạ nhưng cần ghi nhớ.

I. THÀNH PHẦN :

100 người này sẽ bao gồm :

- 60 Á châu, 14 Phi châu, 12 Âu châu, 8 Mỹ La tinh, 6 Bắc Mỹ.

- 49 nữ, 51 nam.

- 82 da màu, 18 da trắng.

- 89 bình thường, 11 đồng tính luyến ái.

- 33 người thờ phượng Chúa, 67 theo các đạo khác.

- 5 người làm chủ 32 % tài sản thế giới đều là công dân xứ Cờ Hoa.

- 80 người có nhà ở dưới mức tiêu chuẩn về tiện nghi.

- 24 người không có điện xài.

- 67 người không biết đọc chữ.

- 1 người có cấp bằng đại học.

- 50 người ăn uống không đủ dinh dưỡng, 1 người đang chết dần vì đói.

- 33 người thiếu nước sạch để uống.

- 1 người nhiễm HIV.

- 1 người hấp hối.

- 2 trẻ sắp ra đời.

- 7 người sử dụng internet.

II. BẠN SỐNG THỂ NÀO ?

• Nếu bạn thức dậy sáng nay thấy mình khoẻ khấn : bạn may mắn hơn cả triệu người khó sống qua khỏi tuần này.

• Nếu bạn chưa hề kinh qua chiến tranh, tù đầy, tra tấn hay đói khát : bạn còn hạnh phúc hơn 500 triệu người trên thế giới.

• Nếu bạn có thể đến nhà thờ, chùa chiền mà không sợ bị bắt nhốt, tra tấn đến chết : bạn may mắn hơn 3 triệu người khác.

• Nếu bạn có một chỗ ngủ dưới mái nhà, có thức ăn trong tủ lạnh, có quần áo giày vớ đang hoang : bạn khá hơn 75 % người khác rồi đấy.

• Nếu bạn có tương mục nhà băng, có tiền trong túi, rủng rỉnh xu hào trong hộp tiền lẻ : bạn thuộc vào nhóm khá giả, chỉ chiếm 8 % nhân loại thôi.

• Nếu Cha Mẹ của bạn vẫn đang tại thế và hai Cụ còn chung sống : bạn thuộc loại hiếm đấy.

III. CHIÊM NGHIỆM :

Nếu bạn đọc xong những hàng chữ trên đây thì bạn đã có điểm phúc gấp ba lần người khác bởi vì :

1) Có người đang nghĩ về bạn.

2) Bạn không thuộc vào nhóm 2 tỉ người không biết đọc chữ.

3) Bạn đang đọc Đặc San Kỳ Sư Công Nghệ số 2!

Đặc San KỸ SƯ CÔNG NGHỆ sưu tầm

GHEN

Ông chủ gọi điện thoại về nhà, một phụ nữ lạ nhắc máy và tự giới thiệu là người giúp việc vừa được bà chủ thuê sáng nay.

- Còn tôi là chồng của bà chủ đây. Bà ấy đâu rồi?

- Ừm... bà chủ đang ở trong phòng ngủ với một người tự xưng là ông chủ.

- Khốn kiếp! Quân lừa đảo! Hãy nghe đây, cô có muốn 50 triệu không? Tôi muốn cô bắn chết 2 con người bạc nghĩa đó đi. Súng để ở ngăn kéo ấy.

- Đợi một chút.

Có tiếng mở ngăn bàn và 2 tiếng súng vang lên. Người giúp việc nhắc điện thoại hỏi:

- Tôi làm gì với 2 cái xác đó?

- Quảng chúng xuống ao sau nhà.

- Ôi! Thưa ông chủ, làm gì có cái ao nào ở đây ạ!

- Cái gì? Không có cái ao nào ở đó sao?

- ...

- Có phải số điện thoại này là 8656765 không?

- ???

TVinh kể

KỸ SƯ CÔNG NGHỆ LÀ GÌ?

Nguyễn Văn Tân CN1

Không biết ai trong Nha Kỹ Thuật Học Vụ hay Bộ Quốc Gia Giáo Dục, đã dịch Ecole Nationale D'Ingenieurs Des Arts Metiers ra là Trường Quốc Gia Kỹ-Sư Công Nghệ. Thật hay “hết xảy”, dù không đúng nghĩa từ chữ nhưng không cách gì hơn.

Lúc Trường đang nhận thi tuyển sinh-viên khóa đầu tiên (mà không cần theo thủ tục “tiền đầu” như bây giờ) năm 1956, tôi cũng không hiểu Kỹ-Sư Công Nghệ sẽ làm gì. Tôi chỉ nghĩ mơ hồ là có lẽ làm về máy móc, nhưng tại sao lại không gọi là Kỹ Sư Cơ Khí. Thì ra, KSCN ngoài sự hiểu biết và xử dụng máy móc công-nghiệp, điện kỹ-nghệ, nghiên cứu, xây dựng, còn phải học thêm về quản lý, hành chánh, luật lao động, kế toán, v.v ... Để dễ thông cảm với thợ thuyền, người KSCN cũng phải thực tập qua các xưởng máy dụng cụ, mộc, rèn, hàn, đúc, máy điện, máy ô-tô, v.v...

Nhớ hồi còn đi học, tôi luôn luôn hãnh diện nói mình là sinh-viên KSCN mỗi khi cần phải tự giới thiệu với người mới quen. Nhưng khổ nỗi, gần như không ai biết KSCN là gì. Có một lần, tôi quen một cô nữ-sinh Đệ Nhị, khá xinh đẹp, tánh tình hiền hậu. Sau khi nghe nói tôi là sinh-viên năm thứ nhứt KSCN, cô ấy ngồi tư lự một lúc, rồi như suy nghĩ ra được điều gì rất đẹp để nói lên:

- Thôi không sao anh! Mình không học nổi chữ nữa thì vô trường nghề học cũng tốt lắm.

Trời đất, thiệt là “hết nước nói”, tiếng Pháp Lang Sa gọi là “phi ni lỏ đĩa” (fini l'eau dire). Cô tưởng chữ “Công Nghệ” là học ra làm thợ thuyền, rèn, hàn, mộc hay thợ sửa chữa các thứ, hoặc thủ công tre mây gì đó.

Một lần khác, nhân ngày giỗ trong gia-đình, trong nhà có rất nhiều bà con và bạn bè. Ở Việt-Nam, cứ mỗi lần “người lớn” có dịp ăn uống tụ tập với nhau là ưa hỏi thăm con cháu học hành. Dĩ Bầy tôi chỉ má tôi với một người bạn già khác, và nói:

- Nè cô Ba, dì Tám nó có mấy thằng con trai học hành được lắm. Thằng Út cũng trên 20 rồi mà vẫn chưa có vợ đó”.

Tôi khoái chí, ngồi lắng nghe tiếp. Bà bạn tên cô Ba đó hỏi lại má tôi:

- “Ồ, nè dì Tám, mà nó đang làm gì vậy hả?”

Má tôi nói: “A, nó đương học ở cái Trường Kỹ Sư ... à,... Nghề ... Nghề gì đó.”

Bà bạn suy nghĩ một lúc rồi vui vẻ nói lên: “A, tôi biết rồi. Là cái Trường Bá Nghệ đó mà”. Lại đúng là “phi ni lỏ đĩa” nữa.

Theo phần nào tôi biết thì Trường Centre D'Apprentissage do Pháp lập, huấn luyện ra những người thợ rất giỏi, chương trình học là 3 năm sau bằng Tiểu-Học. Việt Nam thường gọi đó là Trường Bá Nghệ. Sau này trường có tên là Trường Thực Nghiệp, rồi đổi là Trường Kỹ-Thuật Nguyễn Trường Tộ với chương-trình học 4 năm sau Tiểu Học.

Đấy, cái Trường KSCN hồi xưa danh tiếng như vậy đó. Thật ra, các sinh-viên đại-học và phần lớn các học-sinh sắp thi Tú Tài đều biết là muốn thi vô Trường KSCN thì phải có Tú Tài II, ban Toán. Các tay xuất thân từ Trung Tâm Phú Thọ không thể dờ được. Nếu không vậy thì làm sao tôi cưới được cô vợ cũng là dân đại-học được!

Nhắc lại những năm học KSCN, tôi khó mà quên cái không khí “vui nhộn” của lớp CN1. Hai chữ này nói theo giọng Bắc là đúng nhứt. Tôi đề ý là phần nhiều, các sinh-viên trường kỹ-thuật, dù ở bậc trung-học hay đại-học, ở Mỹ hay ở Việt-Nam, đều biết và ưa chửi thề, mà đám sinh-viên Bắc gọi là “văng tục”. Ở lớp CN1, Bắc chửi theo lối Bắc, Trung theo Trung, Nam theo Nam. Thật ra, trong năm học đầu, anh bạn miền Trung chưa biết chửi thề, phải đợi một năm sau mới có chút tiến bộ. Đúng là “giao-lưu văn hóa” tốt. Tuy nhiên, lúc đi cua đào, hay sau này sống với vợ con thì không

anh nào dám vắng tục. Tôi không dám “quơ đũa cả nắm”, vì trong lớp CN1 có một bạn chưa bao giờ nói một câu chửi thề, đó là anh Ch, và có lẽ phải kể thêm hai chị sinh viên nữa. Hai chị có chửi lên không thì tôi không biết. Các anh kia thì ít nhiều cũng có một lần chửi thề. Tôi là dân Saigon chính gốc, nhưng tôi rất khoái lối chửi của các bạn sinh viên Bắc. Người Nam muốn hạ ai xuống thấp hơn con người thì cứ nói thẳng, như “đồ trâu sanh, đồ chó, heo, ...”, còn dân Bắc ít thô tục hơn, nhưng rất ác. Họ nói “thứ sâu bọ lên làm người”, hay là “Con gì nó kêu”. Tôi còn khoái một số từ khác như “thằng hùi, thằng điều dóm ...”. Dân Nam thì nói thẳng là “thằng cùi hung ghê lờ, thằng bọ địch (giọng Nam)”. Dân Bắc ưa bắt chước dân Nam, gọi mấy thằng già mặt nết là “già dịch”, đọc theo giọng Bắc là “già dzịch”. Dân Trung thì có “mụ cô mi, thằng sục bệ”. Thật ra tôi cũng không hiểu rành mấy chữ này lắm.

Lớp CN1 không anh nào phục anh nào. Nhưng tất cả đều phải nhìn nhận là anh Ch. có vẻ rất hào hoa, ăn mặc luôn luôn chỉnh tề, “chemise manchette”, tóc chải gọn sóng, cao ráo trắng trẻo,



dân gốc Tabert. Đặc biệt, nghe nói anh có mấy cô cháu học trường đâm gọi anh bằng cậu, thề là cả lớp từ lớn đến nhỏ đều kêu anh Ch. bằng “CẬU”. Nhưng để thân mật hơn, các bạn thích gọi anh là “thằng cậu”. Ai trong lớp cũng muốn phục vụ cậu để kiếm điểm. Trong giờ kỹ-nghệ-họa, cậu không cần đem dụng cụ gì, cậu muốn mượn cây thước, cái ê-ke (equerre) 45, 60 độ cũng được. Thỉnh

thoảng trong lớp nghe la lên: “Thằng nào lấy cái ê-ke nhỏ của tao rồi?” “Thằng cậu chớ ai”. “Thằng nào cầm nhầm cái règle à calcul (slide rule) của tao?” “Lại thằng cậu nữa!” “Ê, tụi bây vô phép, sức mấy cậu gả cháu cho tụi bây”. Hay cái chỗ là ai nói gì nói, cậu chỉ cười lại thôi không giận ai hết. Ban bè cứ gọi khi “cậu” khi “thằng cậu” suốt ba bốn năm trường nhưng thật sự có bao thằng gặp được cháu gái cậu lần nào đâu.

Lớp CN1 ngoài nhân vật thằng “cậu” còn có “thằng anh ba S.”. Ban bè có nhiều người đã nhìn thấy hai cô em gái xinh đẹp của nó, nhưng nó giữ kỷ quá. Lại cũng uống công thôi, từ thằng trẻ tới mấy thằng già hơn nó, đều gọi nó khi thì “anh Ba tao”, khi thì “thằng anh Ba tao” luôn suốt mấy năm nhưng cũng không đi tới đâu.

Thật ra, lớp CN1 còn nhiều nhân vật đặc biệt nữa, nhưng tôi không dám nói rõ thêm, như nào là ông Tây giả, ba tàu Má Chính, ông Nghè, bà Thiều-Tá, dòng họ nhà vua, dòng họ Tào Tháo, họ đình dzù và có cả người VC nữa. Tôi mà kể lể lạng quạng bạn bè cũ đang hành hiệp trong giang hồ dám đi kiếm tôi hỏi tội lắm.

Bây giờ, trở lại phần đầu, từ tên gốc (original), Arts Et Métiers là gì? Chữ Arts, theo tự-điển Larousse, có rất nhiều nghĩa. Nhưng đối với KSCN, có lẽ thích hợp nhất thì Arts=habileté (sự khéo léo), còn chữ métier theo tiếng VN thông thường là nghề nghiệp. Theo tự điển Anh-Việt thì Art= sự khéo léo, kỹ xảo. Ai có ý kiến thêm nữa xin bỏ túc hay sửa sai cũng được.

Trường Kỹ-Sư Công-Nghệ do viện trợ của phái bộ Văn Hóa Pháp, lập theo mô hình, tinh thần của Ecole Nationale D’Ingenieurs Des Arts Et Metiers (tên trường 1956 ...) Dù người Việt và người Pháp khác nhau, nhưng sự huấn luyện khoa-học kỹ-thuật, tinh thần làm việc, trách nhiệm để thành công trong cuộc sống thì Việt, Pháp cũng vậy thôi. Các kỹ-sư tốt nghiệp ENIAM đã nổi tiếng qua các thành công trong mọi lãnh vực từ mấy trăm năm (từ 1780). Được đào tạo theo hệ-thống giáo-dục của trường như vậy là một hạnh diện cho anh em

KSCN. Dù trước đây đôi khi có bị gọi là kỹ-sư “Ngụy”, anh em vẫn bình tĩnh, làm việc chứng tỏ khả năng tài ba của mình.

Xem lại phần giới thiệu Trường Arts Et Métiers của Pháp, tôi được biết trường bắt đầu có mặt từ năm 1780 (trước khi Nguyễn Huệ đại thắng quân Thanh 1789 đó!) do Le Duc De La Rochefoucault ở Liancourt thuộc Oise bên Pháp. Sau đó, nhiều trường Arts Et Metiers khác đã được xây cất thêm để đáp ứng nhu cầu. Đến năm 1906, Trường đổi tên thành Ecole D’Ingenieurs Des Arts Et Metiers. Qua năm 1963, trường được nâng lên hàng “Quốc-Gia Cao-Đẳng”, Ecole Nationale Superieure D’Ats Et Metiers, với nhiều thành tựu nghiên cứu khoa-học kỹ-thuật.

Thưa các bạn, qua bao nhiêu biến cố ở Pháp, cách mạng phá ngục Bastille 1789, vua Napoléon I, các chế độ Cộng Hòa kế tiếp, đệ nhứt đệ nhị thế chiến, v.v... Trường có thay đổi để theo kịp các tiến bộ khoa học kỹ-thuật kinh-tế xã-hội, nhưng Trường chưa bao giờ thay đổi chữ Arts Et Metiers. Tiếc thay, trường Kỹ-Sư Công Nghệ miền Nam đã bị đổi tên hoàn toàn thành trường Cơ-Khí theo miền Bắc, dù người kỹ-sư công nghệ đã chứng tỏ khả năng tài giỏi của mình trong tất cả các lãnh vực, công nghiệp, quản-trị, hành-chánh, nghiên-cứu, giáo-dục, dù Trường KSCN không bao giờ có dạy một bài học chánh-trị nào về “chống Cộng”, “hận thù”. Theo tôi nghĩ, phải chỉ chánh quyền mới cứ giữ Trường Kỹ-Sư Công Nghệ thêm tư tưởng Karl Marx để phù hợp với đường lối mới cũng không sao, đồng thời lập thêm Trường Kỹ-Sư Cơ-Khí của Hà-Nội, theo mô hình các nước XHCN để cho dân miền Nam “sáng mắt” ra, thấy cái “ưu việt” của XHCN. Như vậy, ta có sự ganh đua đào tạo thì nước nhà mới tiến bộ mau hơn.

Thưa các bạn, Kỹ-Sư Công Nghệ là gì? Người KSCN là những người đã qua một thời gian sống rất gần gũi thân mật giúp đỡ tin tưởng lẫn nhau, được đào tạo để trở thành, không phải là kỹ-sư với MỘT nghề mà là kỹ-sư với NHIỀU nghề (Xin tạm dịch: Devenir Ingenieurs Des Arts Et Metiers, c’est se former, non pas à UN métier d’Ingenieurs, mais à DES métiers d’Ingenieurs). Quả thật, anh em KSCN chúng ta đã có mặt thành công trong

hầu hết các ngành nghề, ở VN trước và sau 75, cũng như ở hải-ngoại.

Bài viết này, tôi chỉ muốn ghi lại vài kỷ-niệm vui của lớp CN1, và luôn tiện làm bàn thêm một chút về KSCN là gì? Trí nhớ và sự hiểu biết của tôi dĩ nhiên phải là hạn hẹp cho một cụ 70, chỉ mong các bạn có vài phút vui trẻ trong tinh thần xây dựng. Tuyệt đối không ác ý, không chánh trị. Xin các bạn khác, dành chút giờ rỗi rảnh, viết lại kỷ-niệm và luận bàn thêm KSCN là gì cho vui. Tôi được biết, có một số các anh KSCN sống ở Pháp hiểu nhiều về Trường Arts Et Metiers Pháp, có bạn đã tốt nghiệp luôn bằng Kỹ-Sư Arts Et Metiers Pháp nữa. Ngoài ra, nếu ai biết được thành tích gì của bạn bè, xin viết lại cho anh em xem.

Nguyễn Văn Tân CN1

TÌNH YÊU

(thể hát nói)

Hễ lửa gần rơm rồi thời phải cháy,
Mà là người, thì khi trai gái gặp nhau,
Nếu đã cùng chung ý hiệp tâm đầu,
Ắt sẽ có lúc luyện lưu, lưu luyện!

“Còn gần nhau lòng còn yêu mến,
Hãy cách ngăn dạ hãy nhớ thương.”
Nào những đêm gối chiếc canh trường,
Ướt nổi nhớ với niềm thương vào giấc mộng.

Cũng có lúc giận hờn, hờn giận,
Mà giận càng lâu, thì khi hòa thuận lại sẽ
thương nhiều...

Lạ thay hai chữ “Tình yêu”!!!

Lệ Phương (CN8)
21-1-1961

Nghề, Nghiệp!

Quách Thị Thu CN1

Tất cả chúng ta đều có chung một nghề, nhưng mỗi người đều có lý do riêng đến với nghề. Tất cả những lý do đó, nói chung, là duyên nghiệp. Tôi xin kể các bạn nghe duyên nghiệp nào đã đưa tôi đến với nghề Kỹ Sư Công Nghệ, chính xác hơn là Kỹ Sư Hòa Xa - một nghề nghe qua đã thấy khó khăn, toàn sắt với đá.

Nơi tôi sinh ra thuộc tỉnh Đồng Nai. Tôi đã cất tiếng khóc chào đời trong nhà ga xe lửa của thành phố Biên Hòa vào mùa Thu năm Quý Dậu. Theo lời mẹ tôi thì lúc đó khoảng 4 giờ sáng, chuyến tàu Sài Gòn-Hà Nội đang hú còi qua ga và cha tôi đang làm nhiệm vụ của một xếp ga. Tôi đã có duyên với xe lửa ngay khi tiếng khóc đầu đời hòa cùng tiếng còi tàu!

Chắc cũng nên nói qua cơ duyên nào đã gắn cuộc đời cha tôi với ngành Hòa Xa, vì có lẽ đó là cái nhân đã dẫn đến cái nghiệp của tôi sau này.

Năm 23 tuổi (1928), cha tôi bỏ nghề “godautre” (gỗ đầu tre) ở tỉnh Quảng Bình vào làm thợ kỹ cho sở Cao Su Bình Ba ở Xuân Lộc. Vì không cam tâm nhìn bọn Tây đồn điền đánh đập hành hạ dân phu, ông tự ý bỏ về Sài Gòn tìm việc khác. Nơi đây ông đã xin được một chân giúp việc tại depot xe lửa ở đường Colonel Grimaud (nay là Phạm Ngũ Lão). Công việc hằng ngày là phụ tải xé (aide mecanicien) xúc than đá đổ vào lò chạy đầu máy hơi nước. Với sức học sẵn có, cha tôi đến thư viện Hòa Xa mượn sách tự học rồi xin thi vào chuyên ngành Khai Thác Hòa Xa (Service d'Exploitation). Sau đó, từ một anh Trưởng Ga Hạng 3 phụ trách các ga nhỏ ông đã lên được Trưởng Ga Hạng Nhất làm Xếp Ga Sài Gòn.

Cũng từ thành phố này, tôi đã bắt đầu lớp Võ Lông (Cours Enfantin) cho đến năm 1943 trong khi đang học lớp Nhì (Cours Moyen) thì Tây bị Nhật đảo chánh, trường bị đóng cửa, học trò phải học tiếng Nhật, xuống hầm tránh bom của máy bay Đồng Minh lúc Đệ Nhị Thế Chiến (1939-1945) đến hồi quyết liệt. Tháng 8 năm 1945, gia

đình cha tôi tản cư về Bến Lức, Long An.

Việc học của tôi tưởng đành dang dở nhưng may sao năm 1947 cha tôi đưa gia đình hồi cư về Sài Gòn. Thế là tôi lại được cấp sách đến trường, khỏi phải làm ruộng!

Năm 1949, tôi đậu vào trung học Gia Long. Nhà nghèo cho nên việc học rất là khó khăn, tôi chỉ mong học cho mau xong để kiếm một nghề mưu sinh như mọi người chứ không dám mơ ước xa xôi; vì vậy khi đậu được bằng Trung Học Đệ Nhất Cấp (Brevet 1er Cycle), tôi đã ghi tên xin học trường Sư Phạm Trung Cấp và trường Nữ Hộ Sinh Quốc Gia. Nhưng như một nghiệp dĩ đã định, tôi lại được học bổng theo học Second Moderne của trường Gia Long và được vào nội trú học thêm 2 năm.

Năm 1955, khi sắp xong tôi được bạn bè cho biết trường Cao Thắng sẽ mở lớp Tú Tài Kỹ Thuật và sẽ nhận nữ sinh. Đang mong có một nghề nên nghĩ đây chắc là con đường ngắn nhất vì với Tú Tài Kỹ Thuật và nếu vô trường Kỹ Sư Công Nghệ thì sẽ được miễn một năm Dự Bị. Thế có phải là cơ duyên hay là Nghiệp lực đẩy tôi đến với Nghề hay không?

Ly kỳ hơn nữa là khi đến trường xem kết quả thi tuyển, tôi đã gặp thầy Văn Đình Vinh tại giữa sân trường. Thầy Vinh lúc đó đang làm Giám Đốc Hòa Xa kiêm Giám Đốc trường KSCN và rất có uy tín với chính quyền. Thấy bộ dạng yếu điệu tha thướt trong chiếc áo dài lụa và giày cao gót, mặt mày hớn hờ (mới thi đậu mà!), thầy mời ngay vào văn phòng. Giọng thầy ôn tồn nhưng nghiêm nghị, vừa như khuyên bảo vừa như đe dọa, ông nói với tôi:

“Theo kết quả, cô có quyền theo học trường này, nhưng theo tôi nghề này nặng nhọc lắm không hợp với các cô. Tôi khuyên cô nên chọn một ngành khác như là Y, Dược, Sư Phạm, v.v... Trường sẽ giữ kết quả kỳ thi tuyển này và sẽ đề nghị với Bộ Giáo Dục để chuyển cô qua một đại

học khác mà cô sẽ chọn.”

Tôi đã thẳng thắn từ chối lời đề nghị của thầy. Lý do đơn giản là Nam học được thì ... Nữ cũng học được! Còn khi ra trường nếu không vào làm ở nhà máy thì tôi ra buôn bán máy, như máy may, máy khâu, máy cày, v.v...

Thế là ngày 2 buổi, tôi ung dung đến trường với áo dài và giày cao gót; hôm nào có thực tập ở xưởng thì tôi mới phải mặc sơ mi, quần tây gọn gàng. Tuy cực nhọc nhưng nhiều hứng thú!

Hết năm thứ nhất, 1958, hai lớp CN1 và Dự Bị được thầy Vinh cho đi nghỉ hè ở vùng cát trắng Nha Trang. Phương tiện di chuyển là một xe car Leyland 52 chỗ ngồi mới nhập từ Úc về, chạy rất êm! Chỗ ở là biệt thự số 64 Yersin (nay là Trần Phú) nằm ngay cạnh bãi biển. Người hướng dẫn đoàn là thầy Chính. Các bạn trai chia nhau mấy phòng, còn tôi và Bùi Ngọc Hào được ưu tiên sử dụng một phòng ngủ có bàn trang điểm và tủ áo hẵn hoi!

Nha Trang lúc ấy còn vắng vẻ lắm, hàng quán rất ít, còn khiêu vũ trường thì sinh viên làm gì có tiền mà dám mơ tới. Vả lại, trên đường đi, anh chàng Hợp (lớp Dự Bị) vô ý để tay ra cửa sổ bị va quẹt phải vào bệnh viện Phan Rang bằng bó làm anh em có phần kém vui; cho nên anh em chỉ dạo biển, tán gẫu chứ không có chương trình giải trí gì đặc biệt hết. Nhưng tuổi trẻ vô tư, một kỳ nghỉ hè không tốn tiền đã là vui rồi!

Ngày tháng qua nhanh. Sáng học lớp, chiều học xưởng, rồi thi cuối năm. Hè lại đến!

Kỳ này, 1959, chúng tôi được thầy Vinh cho vé xe lửa đi Huế. Tôi được dịp đi thăm anh chị em họ đang học trường Khải Định và Đồng Khánh. Đến Huế, tôi tách ra và được họ hướng dẫn đi thăm đền đài, lăng tẩm, cố đô một thời của vua chúa Việt Nam. Qua 2 kỳ nghỉ hè này, tôi chợt thấy du lịch cũng đem lại nhiều điều bổ ích, cho nên đã nảy ra ý định khi ra trường sẽ vào ngành giao thông vận tải để có dịp thực hiện giấc mơ du lịch của mình.

Ngày ra trường, 1960, theo truyền thống “tôn sư, trọng đạo” tôi đến thăm thầy Vinh để cảm ơn ông đã dìu dắt, và cũng không quên nhắc đến cảm tưởng của những ngày hè đã qua. Đang nói chuyện, đột nhiên thầy hỏi tôi có muốn làm Hỏa Xa thì ngày mai đến văn phòng gặp thầy. Tôi còn

nhớ ngày 21/6/60 tôi gặp thầy để nhận công tác.

Qua 2 năm thực tập và một kỳ khảo sát, tôi mới được công nhận là Kỹ Sư Hỏa Xa thực thụ. Mang sự vụ lệnh với chức vụ Kỹ Sư Công Cán Ủy Viên và thẻ công vụ cũng là thẻ đi tàu, tôi đã trải qua một chương trình thực tập tại các cơ xưởng, nhà máy, cho đến các phòng ban trong ngành, và đi qua tất cả các nhà ga từ Đông Hà vô tới Dĩ An. Nơi ít nhất là 1 tuần và nhiều nhất là 2 tháng. Tôi vừa làm vừa học tất cả mọi thứ từ máy móc, thiết bị, dầu máy, toa xe, đến luật lệ điều hành tàu, cầu đường, nhà ga, cũng như quyền hạn và nhiệm vụ của nhân viên và cấp chỉ huy. Hàng tháng tôi phải gửi báo cáo về Ban Giám Đốc. Thầy Vinh đã đọc tất cả báo cáo của tôi và thỉnh thoảng chỉ thêm cho tôi từ chuyên môn đến phong cách làm việc. Ông luôn dặn tôi rèn luyện đức tính cần bản là trung thực và tự tin. Trung thực trình bày điều mình chưa biết để được học hỏi thêm, và tự tin thực hiện khi nhận trách nhiệm.

Sau 3 năm làm việc với thầy, do cuộc đảo chính năm 1963, thầy từ giả Hỏa Xa đi nhận nhiệm vụ khác, và tôi ít được gặp ông từ đó. Phần tôi, như con tầm trả nợ dẫu, tôi đem hết kiến thức nghề nghiệp phục vụ Hỏa Xa cho đến ngày nghỉ hưu.

Nay đã qua tuổi “thất thập cổ lai hi”, tôi nghiệm ra Nghề nào cũng có Nghiệp, gọi là duyên nghiệp. Nhìn lại quá khứ, tôi thấy như có một bàn tay vô hình nào đó đã dọn sẵn cho tôi một con đường: từ những bước chân chập chững đầu đời trong sân ga, tai tôi quen với tiếng còi tàu, tiếng gõ morse tách tách, xè xè khi ba tôi làm việc, mắt nhìn cảnh bộ hành lao xao đưa đón khi tàu đến tàu đi đã là một nghiệp dĩ từ thuở ấu thơ; rồi những thăng trầm của đất nước, của gia đình, đã đẩy đưa tôi đến với trường Cao Thắng rồi Phú Thọ. Đến với Công Nghệ, tôi đã gặp Thầy Vinh từ những dẫn đo khi nhận một nữ sinh viên vào lớp đầu tiên của trường, cho đến sự quan tâm dìu dắt học trò của mình, nhóm thành một tia lửa bùng cháy trong tôi tạo ra những đam mê: mê du lịch, mê ngành Hỏa Xa.

Với những thành quả đã đạt được, tôi xin ghi lại những dòng này để hồi tưởng quãng đời tươi đẹp dưới mái trường xưa, đồng thời để tri ân người thầy kính yêu của chúng ta: Thầy VĂN ĐÌNH VINH!

Cảm Xúc khi nghe vài bản Nhạc Tiền Chiến

Nguyễn Giụ Hùng CN9

Ngoài trời gió nhẹ thổi, những chiếc lá mùa thu đang lẳng đặng rơi rơi. Cái lạnh lạnh của gió heo may bên ngoài như đang hoà nhịp thờ với những điệu nhạc Tiền Chiến mà tôi đang thưởng thức trong phòng đọc sách, một căn phòng đầy ấm cúng thương yêu. Cảnh hoa trà hoa nữ bên ngoài cửa sổ, với bông hoa trắng ngần, theo gió cọ vào cửa kính như chú mèo con đang dụi đầu tìm sự yêu thương của chủ.

Bốn bề tĩnh lặng, chỉ còn tiếng nhạc như đang diu đưa tôi vào thế giới của riêng mình, mà ở nơi đó, những âm thanh được pha trộn hài hoà của những tha thiết, lẳng mạn, trữ tình cùng với những chia lìa, xa cách. Và cũng từ thế giới ấy, âm thanh đang đưa tôi đi xa mãi, đi mãi để trở về những kỷ niệm của một thời ấu thơ hay những hình ảnh của những cuộc tình ngây ngô lứa tuổi học trò, hay những hình ảnh của biệt ly lẫn đoàn tụ... xen lẫn những hình ảnh của hạnh phúc lẫn đau thương.

Đĩa nhạc Tiền Chiến vẫn cứ quay, âm thanh và hình ảnh có lúc bay bổng, bay vút lên cao rồi hạ thấp, chập chờn trong không trung, ẩn hiện trong làn mưa bụi của bầu trời ngà màu trắng đục.

Các bạn có thường thưởng thức những bản nhạc Tiền Chiến như tôi đang thưởng thức không? Trong lứa tuổi chúng ta, hẳn không ai đã không một lần hoặc nhiều lần thưởng thức nhạc Tiền Chiến. Tôi đoán chắc như thế.

Vậy nhạc Tiền Chiến là gì nhỉ?

Cứ hiểu theo nghĩa thông thường của nó thì nhạc Tiền Chiến hẳn là loại nhạc được viết từ trước chiến tranh. Nhưng trước cuộc chiến tranh nào? Thế chiến 1939-1945 hay cuộc chiến 1945-

1954 hay 1954-1975 (tôi cứ tạm cho là như thế)

Tôi có câu hỏi như thế vì có nhiều bản nhạc viết sau này, người ta vẫn xếp loại nó vào loại nhạc Tiền Chiến, vì nó có cái "air" tiền chiến như nhạc sĩ Tô Vũ nói về bản nhạc "Em Đến Thăm Anh Một Chiều Mưa" của ông. Ông nói, bản nhạc này có cái "air" của nhạc Tiền Chiến thôi, vì thực sự, khi ông viết nó, chiến tranh đã xảy ra rồi. Đây là ông Tô Vũ nói về cái mốc thời gian của cuộc chiến 1945-1954. Nếu ta lấy mốc ở cuộc chiến 1954-1975 thì bản nhạc đó quả thực là nhạc Tiền Chiến ở cái mốc thời gian này.

Thôi thì ta cứ lấy mốc thời gian nào đó cho hợp với bản nhạc thì lấy, cho rộng đường nói chuyện và cho vui vẻ cả làng.

Như vậy, khi ta nói đến nhạc Tiền Chiến là ta muốn nói đến cái âm hưởng của loại nhạc này hơn là chỉ chuẩn định trên cái mốc thời gian của nó thì phải?. Cái "air" của nó có lẽ dựa trên tính chất nhẹ nhàng, lẳng mạn, trữ tình hay bi ai và đặc biệt là nó thiên về loại nhạc thính phòng và mang nhiều chất thơ.

Tôi nói như thế vì có nhiều bản nhạc được viết trước chiến tranh (1939-1945 hay 1945-1954) mà không được liệt kê vào loại nhạc Tiền Chiến như những bản Trên Sông Bạch Đằng của Hoàng Quý, Việt Nam Bất Diệt của Hoàng Gia Linh ... Hè Về của Hùng Lân, Khoé Vĩ Nước hay những bản nhạc thuộc loại quân ca chẳng hạn.

Tôi cũng chẳng biết danh từ nhạc Tiền Chiến có tự bao giờ? Tôi chỉ xin mở đầu ngoặc ở đây bằng một trích đoạn:

"Ánh hưởng Văn hoá Pháp đã trở nên rõ rệt

vào thập niên 1930 và theo nhạc sĩ Phạm Duy coi năm 1938 là năm quan trọng cho nền nhạc mới vì là năm khai sinh ra nhạc cải cách. Và cũng chính năm 1938, nhạc sĩ Nguyễn Văn Tuyên, tác giả bản Kiếp Hoa đã từng đi du thuyết cổ vũ cho nền nhạc mới được các báo chí như tờ Ngay Nay đăng tải, ông gọi loại nhạc mới này là nhạc cải cách." (dựa theo lời ông Bùi bảo Trúc trong một chương trình nhạc thính phòng tổ chức ở San Jose)

Những bản nhạc Tiền Chiến đã đi sâu vào lòng người Việt Nam từ nhiều thế hệ, vẫn còn tồn tại đến bây giờ và cả mai sau, do đó nhạc Tiền Chiến tự nó có chỗ đứng rất quan trọng trong nền âm nhạc Việt Nam. Nói như thế, những nhà nghiên cứu âm nhạc tìm hiểu về nhạc Tiền Chiến cũng là tìm hiểu một phần khá lớn của "âm nhạc mới" nước ta.

Âm nhạc cũng là một bộ môn, ta có thể dựa vào đó để biết tiến trình sinh hoạt của một xã hội vào những thời điểm khác nhau. Từ những năm đầu của thế kỷ 20 đến nay, đất nước ta có nhiều thay đổi, nhất là chịu ảnh hưởng nền văn hoá Tây Phương, ắt hẳn những đổi thay ấy phải ảnh hưởng đến nền âm nhạc của ta. Và ngược lại, sự tìm hiểu về âm nhạc Việt Nam trong thời kỳ "tiền chiến" cũng là một phần trong sự tìm hiểu tiến trình thay đổi của xã hội ta trong thời kỳ ấy.

Trong khuôn khổ như những lời tâm sự cùng các anh chị và bạn bè trong phạm vi KSCN, tôi chỉ muốn xin được chia sẻ cùng với các anh chị và bạn về những CẢM XÚC mà tôi có được khi nghe vài bản nhạc Tiền Chiến chứ không nói về sự phân loại, phẩm chất, cấu trúc, lịch sử hình thành của những bản nhạc ấy cũng như không nói về âm nhạc Việt Nam vì đây không phải là lãnh vực mà tôi am hiểu.

Chúng ta hãy cùng nghe một vài bản nhạc tượng trưng có tính cách phổ thông, dễ nghe, dễ hiểu và cũng dễ nhận ra những nét đặc thù của nó. Trước hết, ta hãy nghe bản Đêm Đông của nhạc sĩ Nguyễn Văn Thương để chúng ta cùng rung cảm với nỗi lòng cô đơn của ông.

Trong một tape nhạc, tôi nhớ không nhầm

thì nhạc sĩ Nguyễn Văn Thương đã tâm sự là ông viết bản nhạc này khi ông đi dọc theo phố Khâm Thiên, Hà Nội, vào chiều tối 30 Tết. Phố Khâm Thiên là con phố có nhiều cô đầu còn gọi là á đào hay ca nhi. Các cụ ta xưa thường đến đây để nghe hát á đào (hay ca trù). Ông chợt bắt gặp, qua bóng dáng cô đơn của người ca nhi đứng đợi khách ngoài ngưỡng cửa rồi quay vào soi bóng mình trong gương, nhạc sĩ Nguyễn Văn Thương liền liên tưởng tới hoàn cảnh của ông lúc đó, nhà ở Huế, ra Hà Nội học, một mình đi lang thang giữa lòng thành phố Hà Nội. Ông nhớ nhà ghê lắm. Ông mượn hình bóng lẻ loi của người ca nhi đó để nói lên tâm sự cô đơn của mình, ông viết:

"Đêm đông, ca nhi đối gương, riêng sầu ôm bóng"

Hình bóng ca nhi ấy, thoáng hiện ra, nhưng biến đi rất nhanh để nhường chỗ cho hình bóng của một chinh phụ chờ chồng như chính ông đang hướng trông về người thân ở chốn xa xôi.

*"Đêm đông, xa trông cổ hương buồn lòng
chinh phu Đêm đông, bên sông ngán ngơ, کیا ai mong chồng"*

Ông đi, đi lững thững dưới đêm đông mưa phùn gió bắc với tiếng chuông buông từ xa vọng lại. Âm thanh buồn bã xa thẳm ấy như quện lấy hình ảnh của những con chim đang bay về một phương trời vô định cùng với những đám mây xám hạ ngang lưng trời. Những tiếng gió rít ào ạt cuốn hút trong cơn lốc xoáy tạo nên bởi những âm thanh dồn dập của dòng nhạc như đang vang vọng lên những lời nức nhen:

*Gió nghiêng chiều say, gió lay ngàn cây, gió
nâng thuyền mây. Gió reo sầu tư, gió đau niềm
riêng, gió than triền miên.*

Cái buồn ra riết của kẻ xa nhà như ông, trong mỗi câu, ông đều réo gọi quê hương, réo gọi mái ấm gia đình ở phương trời xa:

*"Đêm đông, ôi ta nhớ nhung đường về xa xăm
Đêm đông, ta mơ giấc mơ gia đình yêu đương
Đêm đông, ta lẻ bước chân phong trần tha phương
Có ai, thấu tình cổ lỗ, đêm đông không nhà"*

Ta thấy ông cứ nhắc đi nhắc lại mãi tiếng “đêm đông”, ắt hẳn trong ông, đêm đông chính là hình ảnh làm ông xúc động và thổn thức. Âm thanh đêm đông được ông diễn tả như có lúc nó lên thật cao, có lúc nó trầm xuống, có lúc lại kéo dài ra lê thê, mệt mỏi, như nghẹn ngào, nức nở làm trùng lòng những người xa gia đình, xa quê hương như ông.

Bản nhạc Đêm Đông, cái mà mọi người yêu thích, chính là bên cạnh cái hay của âm điệu, của lời ca, nó còn mang tâm trạng của chính chúng ta, ít nhất một lần trong đời, đã rơi vào hoàn cảnh như ông. Và trong hoàn cảnh ấy, bản nhạc không còn là của Nguyễn văn Thương nữa, mà chính là tiếng kêu náo lòng của chính chúng ta để thương mình và cũng để thương người.

Bản Đêm Đông là bản nhạc tiêu biểu mượn những hình ảnh thiên nhiên như cảnh mưa gió trong đêm đông để gửi gắm tâm sự cô đơn của mình.

Tiện đây, ta hãy nghe thêm tâm sự của một nhạc sĩ khác nữa đã mượn cảnh mưa rơi để gửi gắm tâm sự lẻ loi của mình qua bản “*Tiếng thời gian*” (tôi không biết tên tác giả vì trên đĩa nhạc không ghi) Âm điệu của bản nhạc này rất nhẹ nhàng, thánh thót, lồng thông, nhỏ giọt như tiếng mưa rơi rả rích, như tiếng chuông buồn điểm trong đêm đông vắng lạnh, như tiếng lá cây rơi rụng trong sương mờ, như tiếng gõ đùng đùng của chiếc đồng hồ quả lắc mà đó chính là những tiếng của thời gian êm ả trôi đi buồn bã.

*Mưa rơi hiu hắt ai sầu mùa đông
Không gian u ám, sương mờ mờ buồn
Xa trong đêm vắng, chuông buồn nhẹ ngân
Kìa đường xưa rét mướt, bên sông ngừng chân
Chờ ai trong tê tái lắng nghe chuông than
Thời gian trôi tan tác, mang theo ngày xuân
Mưa đêm nay khóc thầm, cuộc
đời đắm ảm đã theo thời gian*

...

Không phải chỉ có hình ảnh của mưa gió mới gọi lên lên được cái cô đơn mà thôi, người nhạc sĩ còn dùng những hình ảnh khác nữa như nhạc sĩ

Đặng Thế Phong đã mượn giọt mưa mùa thu với hình ảnh con chim non trong bản nhạc “Giọt Mưa Thu”, hình ảnh con thuyền trong “Con Thuyền Không Bến”, hay như nhạc sĩ Văn Cao dùng nhân vật trong truyện dân gian trong bản nhạc “Trương Chi” để bày tỏ nỗi lòng cô đơn của mình.

Trong nhạc Tiền Chiến tính chất **bi ai, thương cảm của chia lìa** cũng được khai thác mà bản Biệt Ly của nhạc sĩ Doãn Mẫn tôi coi như một tiêu biểu. Nhạc sĩ Doãn Mẫn viết bản nhạc **Biệt Ly** này khi ông nhìn thấy một cảnh biệt ly của đôi trai gái ở sân ga Hàng Cỏ, Hà Nội. Ông viết bản nhạc này khi ông 20 tuổi, vào năm 1938 hay 1939 thì phải.

Thật là ray rứt khi nghe ông diễn tả:

"Ôi còi tàu như xé đôi lòng. Và mây trôi, nước trôi, ngày tháng trôi, cùng lướt trôi"

Biệt ly sao mà buồn vậy ! Cái gì cũng trôi đi mất cả, mất cả mây, mất cả gió, mất cả thời gian lẫn không gian. Tất cả như trôi đi và trôi đi thật xa. Cũng như Trinh Công Sơn sau này cũng viết một đoạn trong bản nhạc “*Có một giòng sông đã qua đời*”. Trong bài này, khi mất người yêu, TCS cũng thấy mất hết, mất ngay cả giòng sông đang chảy trước mặt mình, giòng sông như đã qua đời.

Ta hãy nghe nhạc sĩ Doãn Mẫn làm chúng ta buồn da diết khi ông viết:

*"Mấy phút bên nhau rồi thôi
Đến nay bóng em mờ khuất,
Người về u buồn khắp trời.
Người ra đi với ngàn nhớ thương"*

Người về mà thấy u buồn khắp trời thì thật buồn đến khủng khiếp. Người nghe có cảm thấy đến đâu cũng phải xúc động. Biệt ly, bản chất của nó đã buồn, nghe bản nhạc Biệt Ly của Doãn Mẫn thì cái buồn ấy lại tăng lên gấp bội. Nghe bản nhạc này tôi xúc động đến tưởng như không thể tiếp tục viết được nữa.

Bên cạnh cái biệt ly xa cách chia lìa của lứa đôi, ta cũng kể đến biệt ly xa cách mang tính chất lịch sử hay truyện cổ tích như Hòn Vọng Phu của Lê Thương, Trầu Cau của Phan Huỳnh Điểu hay Thiên Thai, Trương Chi của Văn Cao.

Và cũng dễ thay đổi không khí, tôi xin tạm mở một đầu ngoặc ở đây để ta bước vào **thế giới của thơ**.

Bên cạnh sự nở rộ của nhạc, thơ "tiền chiến" cũng vùng lên không kém. Thơ thời đó, nó hoà nhịp với nhạc và cũng có cái "air" tiền chiến, nghĩa là cũng khóc thương thân phận, cũng lãng mạn, cũng chia lìa xa cách ... Có những lúc ta có cảm tưởng như thơ và nhạc do một người viết vì chúng quyện vào nhau như đôi trai gái yêu nhau chia nhau cùng hơi thở vậy. Với cảnh biệt ly trong thơ, tôi xin được nhắc đến nhà thơ Tế Hanh. Thi sĩ Tế Hanh viết bài thơ này khi ông cũng đứng ở sân ga:

...

*Bánh nghiêng lảo lảo quả nặng nề;
Khói phỉ như ghen nổi đầu tê;
Lâu lâu còi rúc nghe rên rĩ,
Lòng của người đi réo kẻ về.
Kẻ về không nói bước vương vương;
Thương nhớ lẫn xa mấy dặm trường;
Lẽo đẽo tôi về theo bước họ,
Tâm hồn ngơ ngẩn nhớ muôn phương.*

Sao hai tác gia này, một nhạc sĩ và một thi sĩ, lại có cảm xúc trước sự biệt ly giống nhau đến thế nhỉ?, chỉ khác là cái thương nhớ của Tế Hanh chỉ lan ra có mấy dặm trường còn của Đoàn Mẫn thì lan đi khắp trời. Ấu có lẽ Tế Hanh chỉ buồn "Vu Vơ" như tên của bài thơ của ông. Để tiếp nối những hình ảnh biệt ly, tôi không thể không giới thiệu những hình ảnh mà nhà thơ Nguyễn Bính đã ghi nhận được ở đây qua bài thơ "Những Bóng Người Trên Sân Ga" (1937).

*Những cuộc chia lìa khởi từ đây
Cây đàn xum họp đứt từng dây
Những đời phiêu bạt thân đơn chiếc
Lần lượt theo nhau suốt tối ngày.
Có lần tôi thấy hai cô bé
Sát má vào nhau khóc sụt sùi
Hai bóng chung lưng thành một bóng
"Đường về nhà chị chắc xa xôi?"
Có lần tôi thấy một người yêu*

*Tiền một người yêu một buổi chiều
Ở một ga nào xa vắng lắm
Họ cầm tay họ bóng xiêu xiêu.*

*Hai người bạn cũ tiền chân nhau
Kẻ ở trên toa kẻ dưới tàu
Họ dục nhau về ba bốn bận
Bóng nhòa trong bóng tối từ lâu.*

*Có lần tôi thấy vợ chồng ai
Thẹn thẹn đưa nhau bóng chạy dài
Chị mở khăn giấu, anh thất lại:
"Minh về nuôi lấy mẹ, mình ơi!"*

*Có lần tôi thấy một bà già
Đưa tiễn con đi trấn ải xa
Tàu chạy lâu rồi bà vẫn đứng
Lưng còng đổ bóng xuống sân ga.*

*Có lần tôi thấy một người đi
Chẳng biết về đâu nghĩ ngợi gì
Chân bước hững hờ theo bóng lẻ
Một mình làm cả cuộc phân ly.*

*Những chiếc khăn màu thồn thức bay
Những bàn tay vẫy những bàn tay
Những đôi mắt ướt tìm đôi mắt
Buồn ở đâu hơn ở chốn này?*

Cảnh biệt ly ở sân ga thì được diễn tả như thế. Như ta biết, biệt ly không phải chỉ xảy ra ở sân ga mà còn ở những bến đò nữa chứ.

Ta hãy nghe bài thơ "**Cô Lái Đò**" của nhà thơ Nguyễn Bính, được nhạc sĩ Nguyễn Đình Phúc phổ nhạc, cũng diễn tả một cuộc chia tay của hai người đã hẹn thề nguyện ước cùng nhau trên bến đò xưa. Vì chẳng chờ được nhau, ba xuân qua đi, nàng phải đi lấy chồng, khách tình nhân khi trở lại thì người yêu không còn đó nữa.

Ta hãy nghe một đoạn trong bài "Cô Lái Đò" của Nguyễn Bính:

*Xuân đã đem mong nhớ trở về,
Lòng cô gái ở bên sông kia.
Cô hồi tưởng lại ba xuân trước,
Trên bến cùng ai đã hẹn thề.
Nhưng rồi người khách tình xuân ấy,
Đi biệt không về với bến sông.*

*Đã mấy lần Xuân trôi chảy mãi,
Mấy lần cô gái mới mơn trông.*

*Xuân này đến nữa đã ba xuân,
Đóm lửa tình duyên, tắt nguội dần.
Chẳng lẽ ôm lòng chờ đợi mãi,
Cô đành lổi ước với tình quán.*

*Bỏ thuyền, bỏ lái, bỏ dòng trong,
Cô lái đò kia đi lấy chồng.
Vắng bóng cô em từ dạo ấy,
Để buồn cho những khách sang sông.*

Ta cũng nên biết bản bài thơ "Cô Lái Đò" được Nguyễn đình Phúc phổ nhạc cũng mang thêm tính chất **lỡ làng trong tình yêu** mà tiêu biểu rõ nét là bản "Cô Lái Giềng" của nhạc sĩ Hoàng Quý.

Cũng có cái lạ là thanh niên thời đó lang bang ghé lăm, gặp đâu yêu đấy, nào là yêu Cô Lái Đò, Cô Hàng Nước, Cô Hàng Cà Phê, Cô Hàng Chè Xanh, Cô Hái Mơ rồi Cô Sơn Nữ, Cô Hái Hoa, Cô Hàng Hoa ... Thật đủ loại cô.

Đây là nỗi lòng của nhà thơ Nguyễn Bình, thế còn nhà thơ Thế Lữ thì sao? Ta hãy nghe Thế Lữ trải lòng mình trong "Bên Sông Đưa Khách":

*Trời nặng mây mù, mấy khóm cây,
Đứng kia không biết tình hay say.
Đỗ bờ sông trắng, con thuyền bé,
Cạnh lớp lau già, gió vẫn lay.*

*Tôi tiễn đưa anh tới tận thuyền,
Để dài thêm hạn cuộc tình duyên;
Thuyền đi, tôi sẽ rời chân lại.
Tôi nhớ tình ta, anh vội quên*

*Thuyền khách đi rồi, tôi vẫn cho,
Lòng tôi theo lái tới phương mô?
Bâng khuâng trong cõi sầu vô hạn.
Không khóc vì chưng mắt đã khô. ...*

Ta hãy nghe nhà thơ Huy Cận qua bài "Trường Giang" trong tập Lửa Thiêng. Ông không viết rõ về một cuộc chia ly nào, nhưng khi ta đọc, ta vẫn thấy một nỗi buồn man mác, như một cuộc chia ly nào đó vừa xảy ra, với hình ảnh của một cảnh cù khô lạc mấy giò, bèo dạt về đâu hàng nổi hàng, với thuyền về nước lại sâu trăm ngả ... vân vân.

Ta hãy lắng lòng để hưởng cái giây phút êm đềm, man mác buồn trong thơ Huy Cận:

*Sóng gợn tràng giang buồn điệp điệp,
Con thuyền xuôi mái nước song song.
Thuyền về nước lại, sầu trăm ngả,
Cù một cành khô lạc mấy giò.*

*Lơ thơ cồn nhỏ gió đìu hiu,
Đâu tiếng làng xa vãn chợ chiều.
Nắng xuống trời lên sâu chót vót,
Sông dài, trời rộng, bến cô liêu.*

*Bèo dạt về đâu, hàng nổi hàng,
Mênh mông không một chuyến đò ngang.
Không cầu gợi chút niềm thân mật,
Lặng lẽ bờ xanh tiếp bãi vàng.*

Thôi ta trở lại với nhạc Tiền Chiến, lần này cũng cảnh chia tay đấy nhưng với âm điệu thanh thoát vui tươi hơn, không quá sầu thảm nữa. Và bên cạnh đó ta phải tìm cho mình một chút mộng mơ nơi Tiên cảnh chứ. Các nhạc sĩ, thi sĩ của chúng ta cũng vậy, **mộng ước trần gian không thành đành mơ về Tiên Cảnh**.

Tôi muốn nói về bản nhạc **Thiên Thai** của nhạc sĩ Văn Cao. Như tôi đã nói ở trên, nhạc và thơ trong cái "văn hoá tiền chiến" ấy, nó cứ như quện vào nhau. Trước khi ta nghe bản nhạc Thiên Thai, ta hãy đọc bài thơ của cụ Tản Đà qua bài thơ Tống Biệt (Nhạc sĩ Phạm Duy đã phổ nhạc bài thơ này)

*Lá đào rơi rắc lối Thiên Thai,
Suối tiễn, oanh đưa, những ngâm ngùi.
Nửa năm tiên cảnh,
Một bước trần ai.
Ước cũ, duyên thề có thể thôi.
Đá mòn, rêu nhạt,
Nước chảy, huê trôi,
Cái hạc bay lên vút tận trời!
Trời đất từ nay xa cách mãi
Cửa động,
Đầu non,
Đường lối cũ,
Nghìn năm thơ thán bóng trăng chơi.*

Ta thấy không, tiếng thơ của cụ Tản Đà nhẹ

nhàng thoát tục, như bay bổng vào cõi tiên. Sự chia tay có lá đào rơi rắc, có suối tiên, có oanh đưa. Ôi sao cuộc tiễn đưa lại ngọt ngào, thi vị đến thế.

So bài thơ Tổng Biệt của cụ Tản Đà thi Thiên Thai của nhạc sĩ Văn Cao, nó "thực" hơn, có nhiều chất "người phàm trần" hơn. Cối Thiên Thai của nhạc sĩ Văn Cao như được mở rộng ra để đưa ta đi sâu và xa hơn cụ Tản Đà. Cụ Tản Đà chỉ đưa ta đến cửa động rồi ngừng ở đấy, cụ không đi động tới những cái gì xảy ra ở bên trong cái động Thiên Thai ấy cả, còn Văn Cao đưa ta nhập Thiên Thai thật sự. Qua sự phối hợp với ngũ cung trong âm nhạc dân tộc Việt Nam cùng với những âm điệu trang trọng, trong sáng, tha thiết, sinh động, Văn Cao giới thiệu cho chúng ta cái thế giới trinh nguyên và rực rỡ:

*"Thiên Thai chốn đây hoa xuân chưa gập
bước trần ai. Có một mùa đào, năm ngày tháng
chưa tàn phai một lần"*

Văn Cao còn giới thiệu thế giới thần tiên ấy, ngoài hoa thơm cỏ lạ, cây trái ngọt ngào còn có ca, có nhạc đầy quyến rũ với những nàng tiên đa tình đang ca múa những vũ khúc nghệ thuật làm ngơ ngẩn loài người.

*"Thiên Thai, chúng em xin dâng hai chàng
trái đào thơm, khúc nghệ thuật nay đều cùng
múa vui bầy tiên theo đàn. Đàn soi, trăng êm,
nhạc lắng tiếng quyến, đây đó nỗi lòng mong nhớ.
Đây khúc bổng lai là cả một thiên thu trong tiếng
đàn chơi vui."*

Văn Cao không chịu ngừng ở đây đâu, cụ còn đưa ta tiến sâu vào thêm, để cả chủ và khách cùng đắm chìm trong hoan lạc, để chủ lạc lối, khách quên đường về.

*"Đàn non tiên, đàn khao khát cuộc tình duyên.
Thiên Thai ánh trắng xanh mơ tan tành khói trần
gian. Ái ân thiên tiên, em ngờ (?) (chữ này nghe
CD không rõ) phút mê cuồng say một lần."*

Chẳng biết cụ Văn Cao nhà ta thấy cái "ái ân thiên tiên" nó ra làm sao, nó khác cái "ái ân trần gian" như thế nào mà đến độ ánh trắng xanh mơ

cũng phải tan thành khói trần gian và chỉ dám có mê cuồng say một lần và chỉ một lần mà thôi. Lưu Nguyễn thì lại còn tệ hại hơn nữa, đến nỗi phải than lên câu ai oán:

*"nhớ quê, chiều nào ra khơi, chắc không
đường về tiên nữ ơi."*

Chữ "ơi" phải xuống giọng xê thành "ời" thì đủ biết nó mệt mỏi cỡ nào bởi cái "ái ân thiên tiên" kia. Đấy cụ Văn Cao thấy không, họ quên đường về là tại cụ đấy, tại cái "ái ân thiên tiên" của cụ đấy. Đùa cụ tí thôi, tán nhảm với cụ một tí cho vui.

Ta hãy tạm ngừng nghe nhạc ở đây để theo chân những chàng thi sĩ thả hồn về Tiên cảnh. Chẳng tìm được gì ở trần gian, họ kéo nhau về Tiên cảnh để được thoả lòng mơ cùng mộng như đã nói ở trên.

Mấy ai trong chúng ta lại có cái may mắn như cụ Văn Cao nhà ta. Ấy thế mà trong đám văn nhân thi sĩ có những người cũng chẳng thua nhạc sĩ Văn Cao là mấy. Ta hãy nghe nhà thơ Thế Lữ tả về những buổi gặp gỡ Tiên nữ ở Vườn Tiên:

*Hôm qua đi hái mấy vần thơ,
Ở mãi vườn tiên gần Lạc Hồ
Cánh tinh, trong hoa chim mách léo;
Gió đào mơn trớn liễu buông tơ.*

*Nước mát hơi thu thấm sắc trời,
Trời xanh xanh ngắt đượm hồng phai.
Ái ân, bờ cỏ chen chân trúc,
Sau trúc, ô kìa xiêm áo ai?*

*Rẽ lá, thi nhân bước lại bên,
Mấy vòng sóng gợn mặt hồ yên,
Nhớ như vùng vẫy ba cô tắm,
Dưới khóm hoa quỳnh lá biếc xen.*

*Hồ trong như ngọc tắm thân nga,
Lồ lộ da tiên phơ sắc hoa,
Mím miệng, anh đào tan tác rụng,
Tóc buông vờn mặt nước say sưa.*

*Say sưa, người khách lạ Bồng Lai,
Giận lũ chim kia khúc khích hoài,
Van khẽ gió đừng vì vút nữa
Nhưng mà chim, gió có nghe ai?*

*Lời oanh trên liễu, yền bên hồng,
Hạc ở trong không, phụng dưới tùng,
Bồng chốc cùng nhau cao tiếng hoạ,
Đờn tiên rộn rã khắp tiên cung.*

*Hoa lá cùng bay, bướm lượn qua,
Người tiên biến mất - khách trông ra:
Mặt hồ nước phẳng nghiêm như giận,
- Một áng hương tan, khói toả mờ.*

Chúng ta không cần vất vả lắm cũng tưởng tượng ra được cái cảnh lén lút lút lút của chàng thi sĩ Thế Lữ nhìn trộm tiên nữ tắm.

Tim chàng hồi hộp vì sợ bị bắt gặp, tiên nữ sẽ bay đi. Chàng van gió đừng thổi mạnh, chim đừng khúc khích cười. Chàng càng mong im lặng bao nhiêu thì chàng lại thấy không gian càng xôn xao bấy nhiêu với những tiếng yền tiếng oanh, đàn tiên rộn rã khắp tiên cung, hoà cùng với tiếng hạc trên không, tiếng phụng ở dưới tùng.

Chẳng biết chàng đã làm gì mà để tiên phải biến mất và làm ngay cả đến mặt nước hồ cũng nghiêm mặt giận chàng.

Thôi ta hãy mím nụ cười thông cảm với chàng Thế Lữ mà thôi

Ấy ấy, đừng tưởng chỉ có Thế Lữ được nhìn tiên nữ tắm đâu nhé (tắm thật sự đấy vì xiêm y đã treo ở rặng trúc hết rồi). Nhà thơ Xuân Tâm của chúng ta còn may hơn Thế Lữ nữa vì chàng chẳng nhìn có ba cô tiên nữ tắm như Thế Lữ mà chàng Xuân Tâm được nhìn cả một đoàn tiên nữ tắm. Ta hãy nghe Xuân Tâm kể:

*Đây dòng suối reo cười, đùa lội tắm,
Đoàn tiên nga để lộ tấm thân ngà;
Nước hôn chân, sương thoa phấn máu da,
Hoa cỏ mơn trăn nhau cài mái tóc
Cặp ngỗng trắng xinh như bạch ngọc,
Ngẩng cổ nhìn, say đắm đẹp thần tiên.
...*

Chẳng biết ngỗng ngẩng cổ cao hay chàng thi sĩ Xuân Tâm đang ngẩng cổ cao hơn nhi?

Trong những người có may mắn gặp tiên nữ

này như chàng Thế Lữ, Xuân Tâm, đến ngay cả cụ Tản Đà, cũng chỉ lờn vờn phía "bên ngoài". Riêng cụ Văn Cao được hưởng cả phía "bên trong" với cái "ái ân thiên tiên" đến quên cả đường về, cũng như có cô em gái đến thăm chàng nhạc sĩ Tô Vũ vào một chiều thêu nắng để "Em đến chơi quên niềm cay đắng. Và quên đường về", thật tuyệt.

Nói đi thì phải nói lại, không phải ai gặp tiên cũng được "thoả thuê" đâu nhé. Ta hãy nghe nhà thơ Đỗ Huy Nhiệm than vãn:

*Người ở tiên cung vốn lạnh lùng,
Có bao giờ bận với yêu mong.
Mà tôi yêu lắm, tôi mong lắm,
Nàng có bao giờ biết thế không? ...*

*Chiều nay nàng đến trong ly rượu,
Tôi uống với với hết cả nàng.
Tôi uống dè dè từng hớp một,
Sợ mai nàng bận chẳng buồn sang.*

Chàng thi sĩ của chúng ta phạm hai lỗi lầm nên chàng đau khổ.

Thứ nhất chàng mong được Tiên yêu dù chàng biết Tiên chẳng bận với yêu mong mà các nàng chỉ bận đi "tắm" cho các nhà thi sĩ làm thơ. Thứ hai là chàng say, chàng nhâm nhi hết cả nàng thì nàng làm sao tới được.

Đến khi chàng say thì:

*Trăng đã lên cao, rượu cạn rồi,
Cả nàng đã đắm cả hồn tôi.
Ngây mai rượu hết nghiêng hỏ rỗng
Vết chút hương còn ép sát môi.*

Nghe câu cuối sao nó nhờn nhợn, nhồn nhột thế nào ấy.

Tới đây ta hãy dành cho Xuân Diệu một "khoảng trời thơ" để chàng tâm sự

*Và nàng Lộng Ngọc lấy Tiếu lang,
Cười hạc một đêm bay lên trời
...*

*Linh hồn lưu giữ bể du dương.
Tôi thấy xiêm y nổi gió lùa;
Những nàng cung nữ ước mơ vua,
Không biết bao giờ người nhớ thương.*

Với Hàn Mặc Tử, nàng Hằng Nga tiên nữ của chàng còn quyến rũ hơn :

*Trong khóm vi lau rào rạt mãi.
Tiếng lòng ai nói sao im đi?
Ô kia, bóng nguyệt trần truồng tắm,
Lộ cái khuôn vàng dưới đáy khe.*

Không hiểu vì lý do gì, các chàng thi sĩ của chúng ta mỗi khi nói đến Tiên nữ và ngay cả đến Hằng Nga, các chàng đều bắt các nàng phải đi tắm, và chỉ đi tắm mà thôi. Cũng như khi các chàng nhạc sĩ nói về người con gái đi lấy chồng thì phải là “con sáo sang sông” hay là “con sáo xô lồng bay xa“, nhất định phải là con chim sáo chứ không thể là con chim khác được dù là chim oanh, chim yến hay chim phượng hoàng (Nói theo ý nhà văn Nguyễn Ngọc Ngạn nhận xét về con chim sáo trong Paris By Night)

Nhân dịp nghe bản "Thiên Thai" ta lại lạm bàn đến cảnh giới Thiên cung của những nàng Tiên nữ hơi nhiều. Hình như từ nãy đến giờ ta lên Tiên giới với lòng trần tục đến nỗi Trịnh Công Sơn đã phải lên tiếng

Tôi là ai? Tôi là ai? mà còn trần gian thế?
(Tôi là ai?)

Thôi để mặc TCS than thở trần tục với trần gian, ta hãy tìm về hình ảnh của một Tiên cảnh thánh thoát hơn, trong sáng hơn với “Tiếng Sáo Thiên Thai” đã được nhạc sĩ Phạm Duy phổ nhạc. Nay ta hãy tạm để hồn mình dừng chân, ngồi trên phiến đá, mắt nhìn trời xanh, hưởng một chút gió mát để thưởng thức vài tiếng sáo ở chốn Thiên Cung cùng nhà thơ Thế Lữ.

*Ánh Xuân lướt cỏ xanh tươi,
Bên rừng thổi sáo một hai Kim Đồng.
Tiếng đưa hieu hắt bên lòng,
Buồn ơi! Xa vắng mêm mông là buồn.
Tiên Nga tóc xoã bên nguồn,
Hàng tùng rủ rì trên cồn điu hieu;
Mây hồng ngừng lại sau đèo,
Mình cây nắng nhuộm, bóng chiều không đi.
Trời cao xanh ngắt - ô kia!
Hai con hạc trắng bay về Bồng Lai.*

*Theo chim, tiếng sáo lên khơi,
Lại theo dòng suối bên ngoài Tiên Nga;
Khi cao vút tận mây mờ,
Khi gần vút vèo bên bờ cây xanh,
Êm như lọt tiếng tơ tình,
Đẹp như Ngọc nữ uốn mình trong không.
Thiên thai thoảng gió mơ màng,
Ngọc châu buồn tưởng tiếng lòng bay xa.*

Thế Lữ mê man thả hồn trong "Tiếng Sáo Thiên Thai" nơi Tiên cảnh và cũng có lần chàng cũng mê say tiếng sáo trúc nơi trần gian với "Tiếng Trúc Tuyệt Vời" của chàng:

*Tiếng địch thổi đâu đây,
Cớ sao mà réo rắt?
Lơ lửng cao đưa tận lưng trời cao ngắt,
Mây bay, gió quyến mây bay.
Tiếng vi vu như khuyển van, như diu dặt,
Như hắt hiu cùng hơi gió heo may.
Ánh chiều thu,
Lướt mặt hồ thu,
Sương hồng lam nhẹ lan trên sóng biển,
Rặng lau già xao xác tiếng reo khô,
Như khua động nỗi nhớ nhung thương tiếc,
Trong lòng người đứng bên hồ.*

...

Âm điệu của bài thơ này nghe như khi bông khi trầm, uốn lượn theo tiếng sáo trúc. Tiếng sáo thiên thai hay tiếng trúc tre trần tục đều hay như nhau cả, có khác chăng là khác ở nỗi lòng người nghe. Ta cũng nên biết thêm, bài thơ "Tiếng trúc tuyệt vời" đã được nhạc sĩ Nguyễn Xuân Khoát phổ nhạc theo điệu ca trù.

Thôi nếu ta chẳng lên Thiên Thai được với nhạc sĩ Văn Cao thì ta hãy theo chân nhạc sĩ Phạm Duy vậy để cùng nhạc sĩ Phạm Duy xây cái mộng thật bình thường trong bản "Ngậm Ngùi" phổ từ thơ Huy Cận:

*"Tay anh em hãy tựa đầu,
Cho anh nghe nặng trái sầu rụng rơi"*

Tay anh đây, em hãy tựa đầu mà ngủ, anh khe khẽ ru lời ca êm ái "ngủ đi em, ngủ đi em" và để "anh hầu quạt đây" và để cho anh thấy những đau

khổ chín mùi của em rụng rơi (trái sầu rụng rơi).
Lắng đọng với thời gian, với không gian để nghe
thấy những thương đau của người yêu rơi rụng
và rồi để cùng nhau đón nhận lấy niềm hoan lạc,
êm ái đi vào giấc ngủ êm đềm thì quả thực cái
"mộng bình thường" rất trần gian này cũng khó
đạt thành, nhưng đâu sao nó cũng còn ở trong tầm
tay của mình.

...
*Ngủ đi em, mộng bình thường!
Ru em sẵn tiếng thùy dương mấy bờ.
Cây dài bóng xế ngán ngơ,
Hồn em đã chín mấy mùa thương đau?
Tay anh em hay tựa đầu,
Chờ anh nghe nặng trái sầu rụng rơi.*

Hay quá nhỉ, mỗi chữ, mỗi vần sao nó tha
thiết và súc tích làm sao.

Chúng ta đâu cần phải là nhạc sĩ hay thi sĩ. Ta
cứ nghe và cứ đọc, chúng ta sẽ rung động với cái
rung động của người, vui với cái vui của người,
thôn thức với cái thôn thức của người, để rồi hơn
thế nữa, ta mượn hình ảnh, âm thanh của người
đưa ta tới thế giới riêng biệt được xây dựng bởi
chính ta. Thế giới của riêng ta ấy, có thể còn linh
động hơn, xa hơn, cao hơn vì nó được xây dựng
bằng nhiều nguồn cảm hứng khác nhau, của nhiều
người góp lại.

Cũng có khi ta ngồi nghe bản nhạc đang chơi,
hồn ta đã bay xa lắm rồi. Ta bay đi theo cảm xúc
riêng của mình, với biết bao nhiêu những cái mới
xen lẫn với những cái cũ của những kỷ niệm xa xưa.
Không phải chỉ có âm nhạc và thơ thôi đâu, những
cảm xúc đôi khi cũng chợt đến chỉ vì ta bắt gặp
một màu sắc, một âm thanh nhỏ hay chút chúa,
một tiếng cười, hay tiếng khóc ... tưởng như quen
thuộc nào đó.

Tất cả những gì chung quanh ta đều có thể
mang ta đến một thế giới đầy sáng tạo của riêng
mình, vì những gì xảy ra chung quanh ta, trong đó
kể cả những âm thanh của những bản nhạc Tiên
Chiến, đều là những phép lạ, là những phép màu
có khả năng đem ta về nguồn hạnh phúc.

Tôi xin được tạm ngưng lời tâm sự ở đây về
sự chia sẻ cùng các bạn những cảm xúc mà tôi có
được khi nghe vài bản nhạc Tiên Chiến. Tôi biết
đây là một đề tài vô tận vì cảm xúc của chúng ta
thì vô biên, nhưng chỉ có một điều những cảm xúc
bắt gặp được thường có thể mỗi người một khác.
Xin được trở lại dịp sau với những bản nhạc tiêu
biểu khác có tính chất **lãng mạn trữ tình trong
tình yêu lứa đôi và tình yêu nước** trong nhạc
Tiên Chiến.

Nguyễn Giu Hùng CN9

QUA PHỐ LẠ

Về ngang phố lạ chiều nay
Nắng thu vàng vổ cuối ngày chưa phai
Đường xa một nỗi u hoài
Hợp tan, tan hợp còn dài u mê.

Buồn qua phố lạ trưa hè
Che từng vạt nắng khô se mặt người
Ở đây lạc lõng điệu cười
Bước người hấp tấp, phận đời long đong.

Ghé qua phố lạ chiều đông
Mù sương chấn lối, mưa giông ngăn đường
Lòng trần còn nặng tư hương
Mới qua chưa hết nửa đường phù vân.

Chiều qua phố lạ mùa xuân
Xo dài bóng nắng phân vân bên đường
Quê một phương, người một phương
Vàng phai mấy độ nắng sương quê người.

Vĩnh Ngộ